

LỜI MỞ ĐẦU

Phát triển một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một nền kinh tế hàng hoá năng động và tăng trưởng, hoà nhập với nền kinh tế thế giới là mục tiêu và cũng là con đường mà Đảng và Nhà nước ta đã tiến đến. Trong lịch sử phát triển của loài người, kế hoạch sản xuất chiếm một vai trò cực kỳ quan trọng, nó tạo ra của cải vật chất, cơ sở tồn tại và phát triển của con người. Và trong nền kinh tế đó tất nhiên cũng không thể hạ thấp vai trò của hoạt động sản xuất.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức, quản lý tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Chính”.

Khoá luận của em gồm 3 phần sau:

Phần 1: Những lý luận chung về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Chính

Phần 3: Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Chính

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo CN TTrv cấp 2 Dương Văn Biên, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các cô chú phòng Tài chính kế toán của Công ty Cổ phần Kim Chính đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

PHẦN 1:

**NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ,
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

1.1 Một vài nét về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Khái niệm

Theo chuẩn mực số 14 về doanh thu và thu nhập khác ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của bộ trưởng bộ tài chính và thông tư số 89/2002/TT-BTC thì:

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là trị giá thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã thực hiện.

1.1.1.2 Các loại doanh thu, phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao dịch vụ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14 – ban hành và công bố theo quyết định số 149/ QĐ –BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính: Doanh thu bán hàng sẽ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện sau được thoả mãn:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền lợi sở hữu sản phẩm hàng hoá
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như là người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá
- Giá trị các khoản doanh thu được xác định một cách chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là khác nhau:

* Trường hợp bán hàng theo phương thức giao thẳng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là: doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp hàng bán thẳng cho khách hàng thông qua kho của doanh nghiệp. Nghiệp vụ mua bán hàng hóa xảy ra đồng thời. Phương thức này được áp dụng chủ yếu ở các doanh nghiệp thương mại.

* Trường hợp bán lẻ hàng hoá: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

* Trường hợp gửi đại lý bán hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận báo cáo bán hàng do bên đại lý gửi

* Trường hợp bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao trực tiếp thì thời điểm hàng hoá được xác nhận là tiêu thụ và doanh thu được ghi nhận là khi đại diện bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ.

* Trường hợp bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là khi thu tiền của bên mua hoặc bên mua chấp nhận thanh toán tiền.

* Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả tiền ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được

ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Thu nhập khác (TK 711): Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ

- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hóa doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản trên sẽ làm giảm doanh thu.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần

Đây là các khoản mục phát sinh: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán được trả lại được ghi nhận. Cuối kỳ tính ra số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng các khoản giảm trừ để xác định doanh thu thuần

***Chiết khấu thương mại (TK 521):** Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Trường hợp người mua mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán.

*** Giảm giá hàng bán (TK 532):** Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng

kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

* **Hàng bán bị trả lại (TK 531):** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn(nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng(nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

***Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa đó tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế kinh doanh. Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- **Thuế xuất khẩu:** là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hóa dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh. Trong doanh thu hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước. Thuế XK được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

$$\begin{array}{r}
 \text{Doanh thu} \\
 \text{BH thuần}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{r}
 \text{DT bán} \\
 \text{hàng}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Chiết} \\
 \text{khấu TM}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{DT BH} \\
 \text{bị trả lại}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Giảm} \\
 \text{giá hàng} \\
 \text{bán}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Thuế TTĐB,} \\
 \text{thuế XK phải} \\
 \text{nộp, thuế} \\
 \text{GTGT trực tiếp}
 \end{array}$$

1.1.2 Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá

1.1.2.1 Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định

1.1.2.2 Các loại chi phí

* **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ

* **Chi phí bán hàng:** Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo...

- Chi phí nhân viên bán hàng: Phản ánh khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc gìn giữ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí đóng gói sản phẩm hàng hóa, chi phí vật liệu nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như: nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí bảo hành, sửa chữa công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài cho việc sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

- Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí hội nghị khách hàng, vé cầu phà, chi cho khách hàng.

* **Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN):** Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thường. CPQLDN bao gồm các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung bao gồm:

- Các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) BHXH, BHYT, KPCĐ của ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ... (Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

- Khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

- Thuế phí và lệ phí: Các chi phí về thuế phí lệ phí như tiền thuê đất, thuế môn bài, chi phí bằng tiền khác...

- Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài hạch vụ cho công tác QLDN, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (Không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào CPQLDN, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

* **Chi phí hoạt động tài chính:** Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí HĐTC bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí kinh doanh bất động sản
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác
- Chi phí tài chính khác

* **Chi phí khác:** Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Bao gồm: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh

thu thuần và giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa lợi nhuận khác và chi phí khác .

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...)

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4 Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu

chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh được làm vào cuối kỳ kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

Tóm lại, việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp tránh hiện tượng “lãi giả lỗ thật”. Hơn nữa còn có ý nghĩa với toàn bộ nền kinh tế quốc dân giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp phân tích số liệu và đưa ra thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết ở tầm vĩ mô được tốt hơn, tạo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế

1.2 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1 Vai trò của kế toán bán hàng

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân

Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà đầu tư... sẽ dựa vào đó để nắm bắt

được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán bán hàng phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng

- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên kế toán cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời báo cáo bán hàng và phản ánh doanh thu. Phản ánh thường xuyên, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng đảm bảo giám sát chặt chẽ lượng hàng tiêu thụ cả về mặt số lượng lẫn chất lượng. Đồng thời đôn đốc việc thu tiền bán hàng, tránh hiện tượng thất thoát tiền hàng ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn đơn vị.

- Tổ chức chứng từ ban đầu và trình tự luân chuyển hợp lý, hợp pháp đảm bảo yêu cầu quản lý và nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản và sổ sách phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong quá trình bán hàng, phân bổ chi phí hợp lý cho số hàng còn lại cuối kỳ và kết chuyển chi phí cho hàng tiêu thụ trong kỳ, để xác định kết quả bán hàng một cách chính xác.

Khi thực hiện tốt các yêu cầu trên nó sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin.

1.3 Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.3.1 Các phương thức bán hàng

Quá trình bán hàng gồm 2 giai đoạn: Giai đoạn doanh nghiệp sản xuất giao sản phẩm cho người mua và giai đoạn người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền. Trong thực tế các doanh nghiệp sản xuất thường vận dụng các phương thức bán hàng dưới đây:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng của doanh nghiệp và thanh toán tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán thì hàng hoá được xác nhận là bán (chuyển quyền sở hữu). Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo tổng giá trị số hàng giao cho khách hàng. Trường hợp giao hàng tại kho bên mua hoặc tại một địa điểm nào đó được thoả thuận trong hợp đồng. Sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định tiêu thụ

- Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi

bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi nào đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

- Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán

- Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

- Phương thức bán hàng đổi hàng: Đây là trường hợp đưa sản phẩm của mình đổi lấy vật tư hàng hoá về. Theo đó doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi} * \text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$

1.3.2 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.2.1 Kế toán doanh thu

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511)

* **Nội dung:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh

doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT; hóa đơn bán hàng thông thường

- Hợp đồng mua bán;

- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;

- Thẻ quầy hàng;

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng; bảng sao kê của ngân hàng

- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho...

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 511:**

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có 5 tiểu tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

2. Doanh thu bán hàng nội bộ (TK 512)

* **Nội dung:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của công ty, Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Kết quả kinh doanh của công ty, Tổng công ty bao gồm kết quả phần bán hàng nội bộ và bán hàng ra bên ngoài. Tổng công ty, công ty và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo các luật thuế quy định trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ ra bên ngoài và tiêu thụ nội bộ.

*** Kết cấu và nội dung của TK 512:**

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911

Bên có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 512 không có số dư đầu kỳ

Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa.

+ Tài khoản 5121: Doanh thu bán các thành phẩm.

+ Tài khoản 5121: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

3. Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

***Tài khoản sử dụng:**

+ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 512: Doanh thu nội bộ

+ TK 521: Chiết khấu thương mại

+ TK 531: Giảm giá hàng bán

+ TK 532: Hàng bán bị trả lại

+ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

+ TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

+ TK 3333: Thuế xuất khẩu

+ TK 3387: Doanh thu chưa thực hiện

Và các tài khoản liên quan khác như: TK 111, 112, 131...

- TK 511: Phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ

- TK 512: Phản ánh doanh thu của số hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng 1 công ty, hạch toán ngành

- TK 3387: Phản ánh số tiền nhận trước nhiều năm cho thuê tài sản, khoản chênh lệch giữa hàng bán trả chậm, trả góp với hàng bán trả ngay, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ

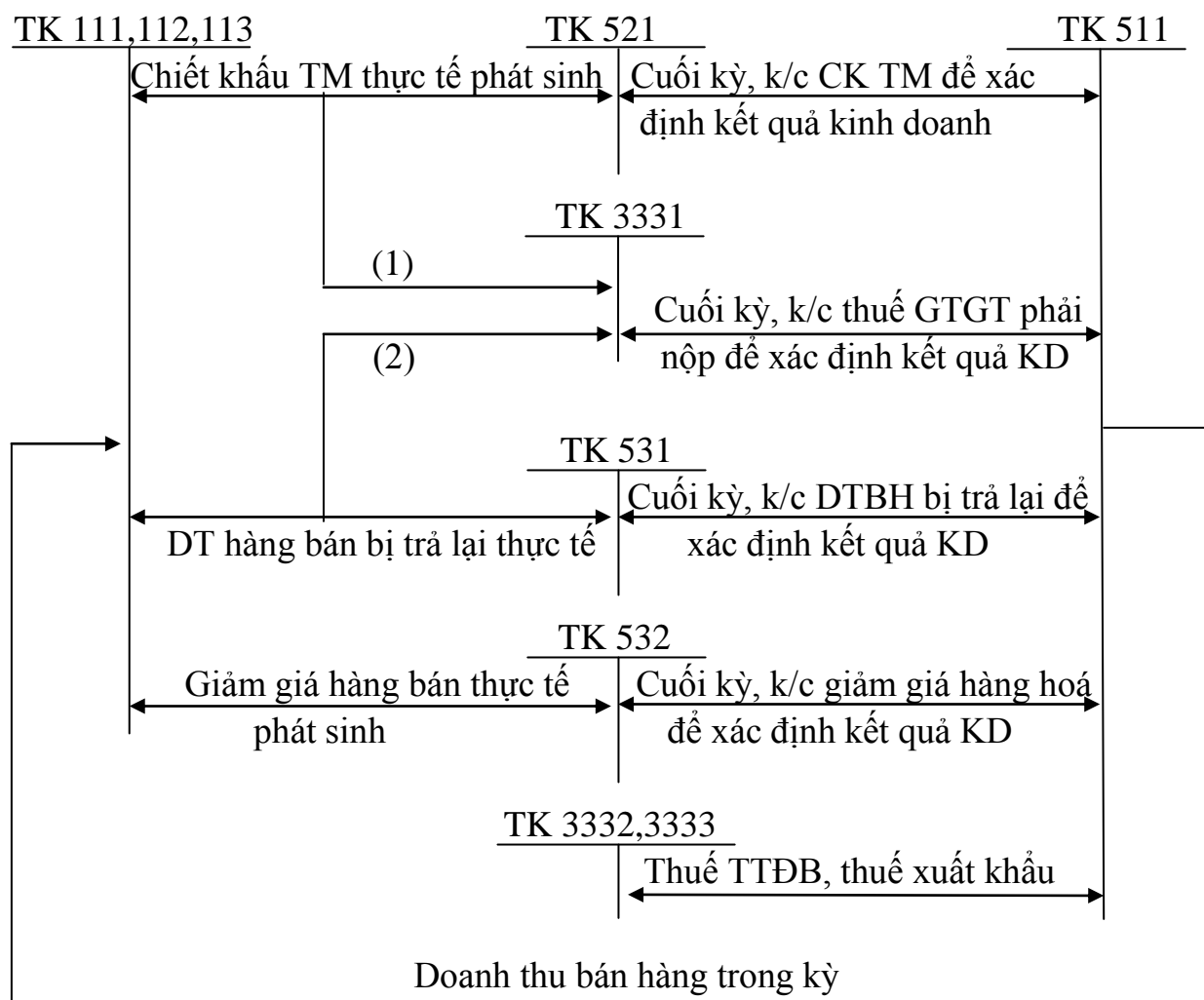
- TK 3331 – chi tiết TK 33311 - thuế GTGT đầu ra: Áp dụng cho doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp

* **Trình tự kế toán:** Do có nhiều công thức bán hàng khác nhau nên việc hạch toán doanh thu từng trường hợp bán hàng cũng khác nhau

TH1: Bán hàng thu tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán

Hàng ngày căn cứ vào HĐ GTGT và chứng từ thanh toán như giấy báo có, phiếu thu hoặc thông báo chấp nhận thanh toán của khách hàng để ghi sổ doanh thu

Sơ đồ 1:



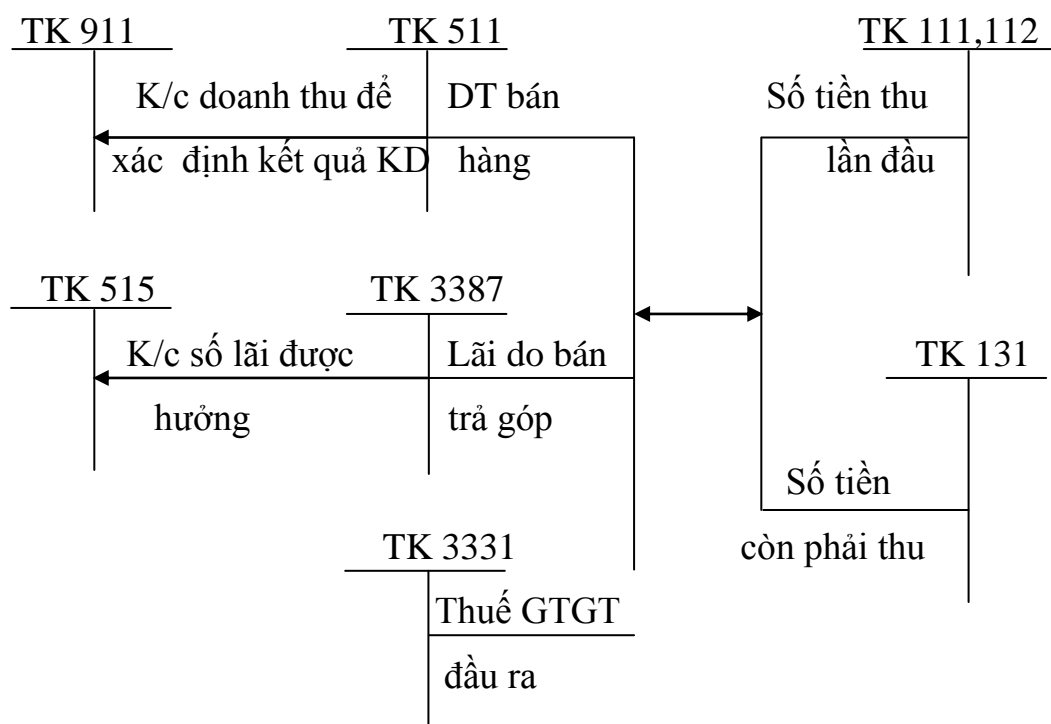
(1): Giảm thuế GTGT của CKTM

(2): Giảm thuế GTGT của hàng bán bị trả lại

TH2: Bán hàng trả góp, trả chậm

Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định

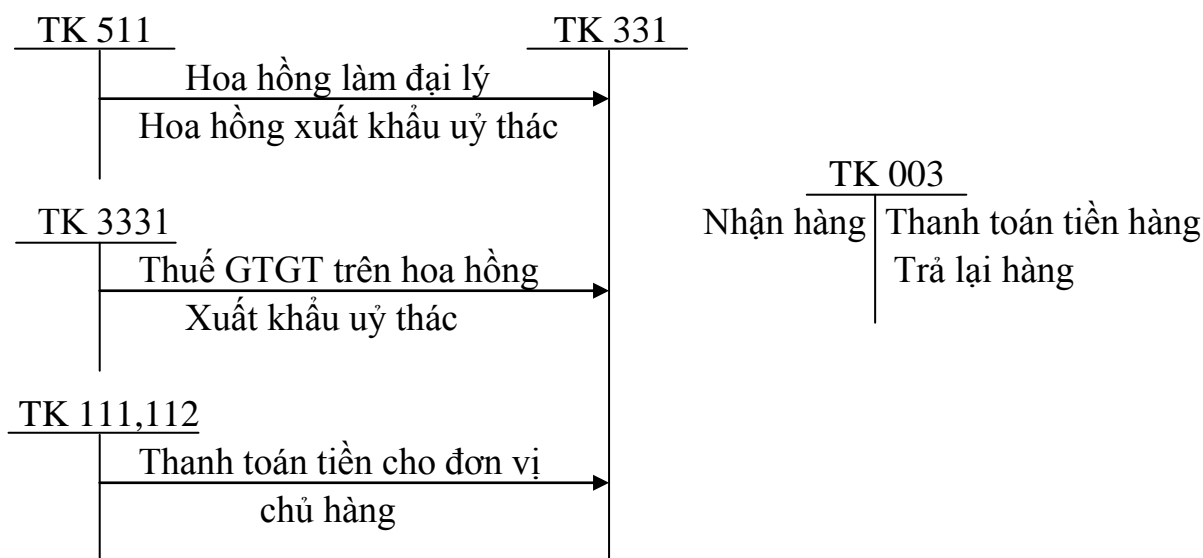
Sơ đồ 2:



TH3: Bán hàng qua đại lý ký gửi hàng

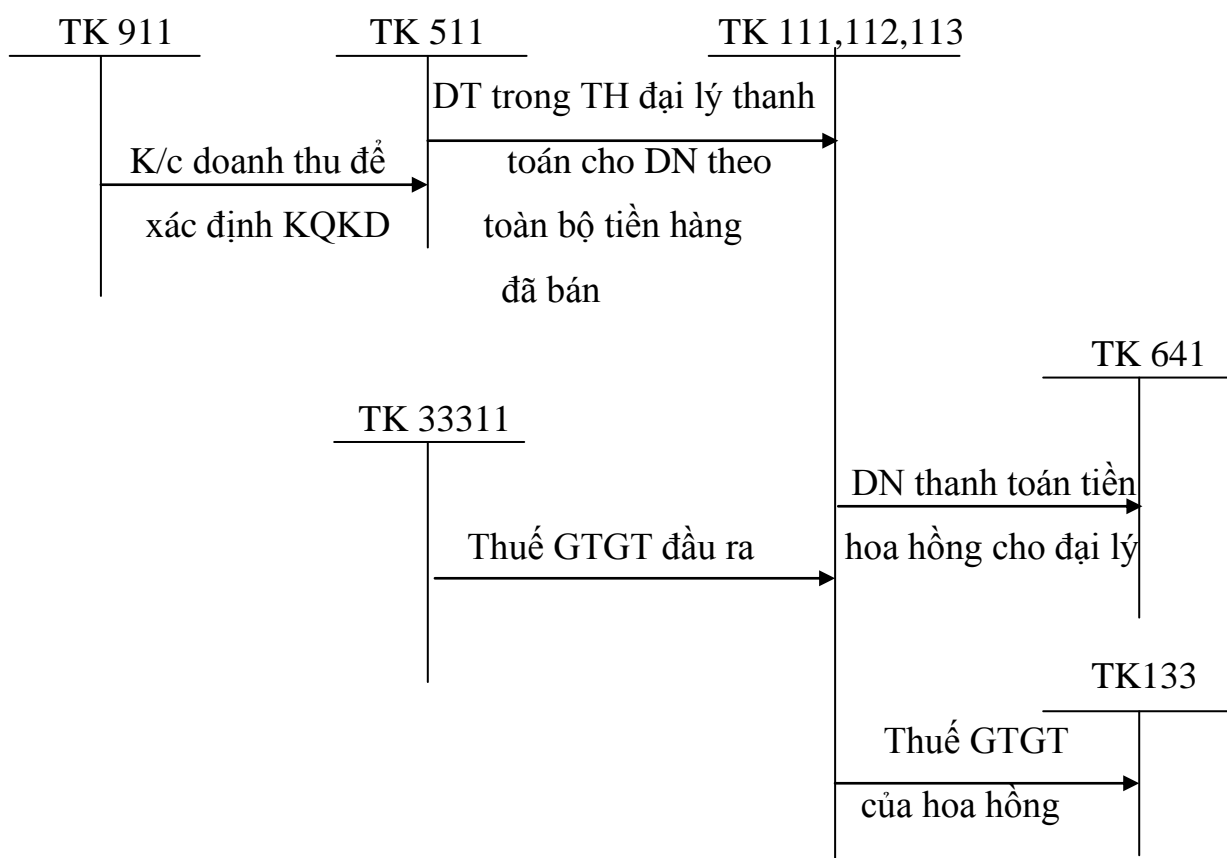
Trường hợp doanh nghiệp bán hàng đại lý hoặc nhận xuất khẩu uỷ thác cho 1 doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp sẽ thu được doanh thu là số tiền hoa hồng được hưởng. Nếu doanh nghiệp là đại lý bán hàng thì doanh nghiệp không phải kê khai nộp thuế GTGT các khoản doanh thu này. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp tiến hành xuất khẩu uỷ thác cho doanh nghiệp khác thì số tiền hoa hồng được hưởng lại là đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%. Bên nhận uỷ thác sẽ được ghi nhận số thuế tính trên hoa hồng uỷ thác vào số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Khi nhận hàng của đơn vị giao cho đại lý, giao uỷ thác, kế toán ghi vào Nợ TK 003. Khi bán được hàng hoặc trả lại hàng cho doanh nghiệp uỷ thác thì kế toán ghi vào Có TK 003.

Sơ đồ 3:



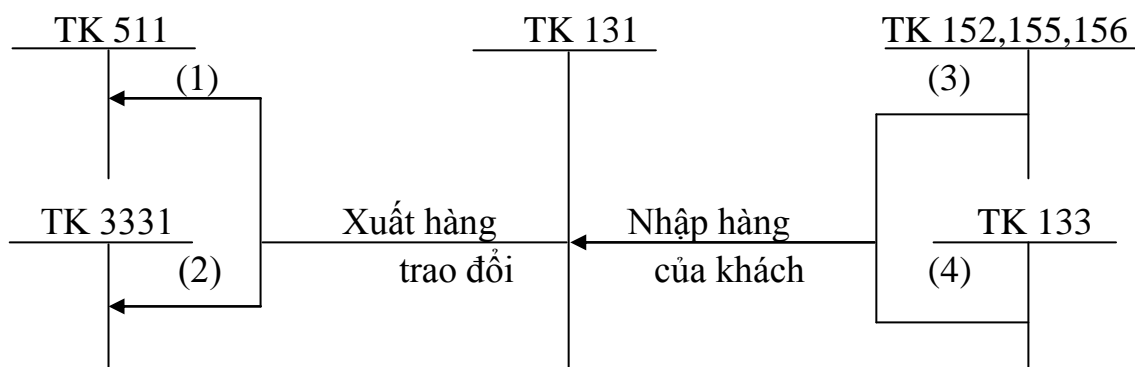
TH4: Nếu doanh nghiệp bán hàng thông qua đại lý khi doanh nghiệp nhận tiền hàng do đơn vị đại lý thanh toán, doanh nghiệp cho đại lý gửi một khoản tiền hoa hồng và khoản tiền này sẽ được tính vào chi phí bán hàng (TK 6417)

Sơ đồ 4:



TH5: Nếu doanh nghiệp bán hàng cho đại lý theo phương thức hàng đổi hàng, khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

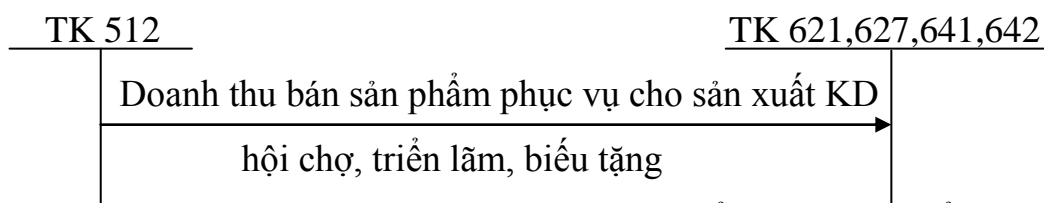
Sơ đồ 5:



- (1): Doanh thu bán hàng của hàng xuất trao đổi
- (2): Thuế GTGT đầu ra của hàng xuất trao đổi
- (3): Nhập hàng hóa về kho
- (4): Thuế GTGT đầu vào

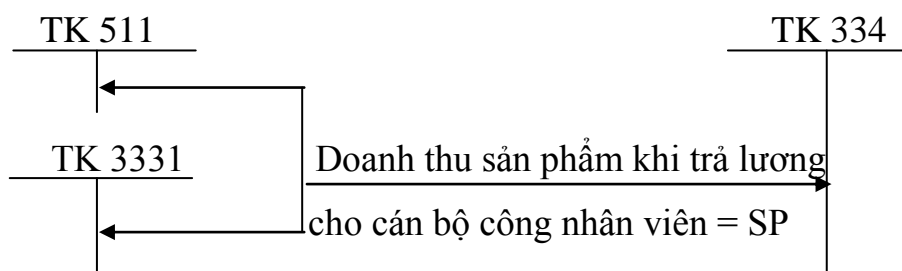
TH6: Trường hợp doanh nghiệp dùng hàng hoá, vật tư sử dụng nội bộ cho sản xuất kinh doanh thuộc diện chịu thuế GTGT kế toán xác định doanh thu của số hàng này tương ứng với chi phí sản xuất hoặc giá vốn hàng bán để ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh

Sơ đồ 6:



TH7: Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hoá để trả lương cho cán bộ công nhân viên thì kế toán hạch toán như sau:

Sơ đồ 7:



Đến cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả. Đồng thời phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp

1.3.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT; hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

*** Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”:** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã thanh toán cho khách hàng.

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư .

- **Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào số phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ .

- **Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”**: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ .

- Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu sử dụng tài khoản sau:

+ Tài khoản 3332: thuế tiêu thụ đặc biệt

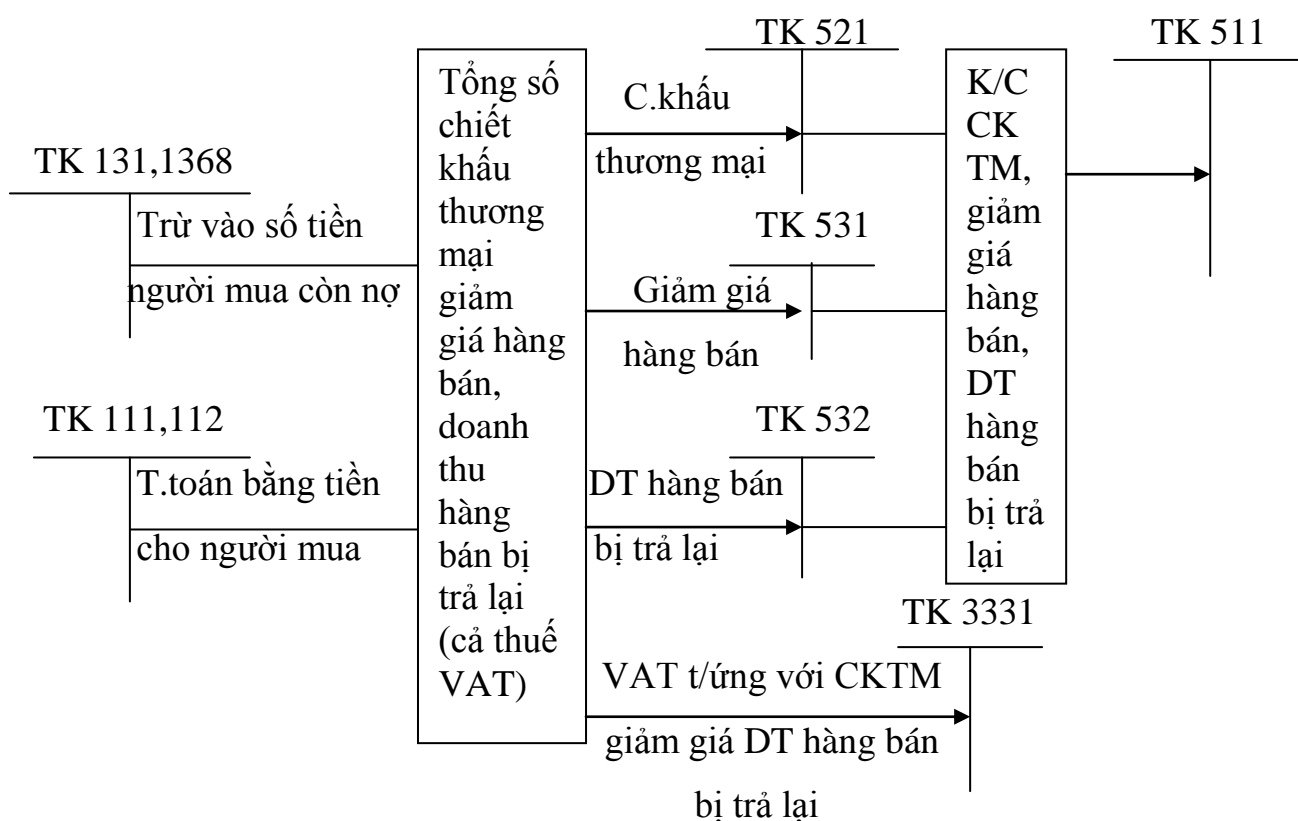
+ Tài khoản 3333: thuế xuất, nhập khẩu

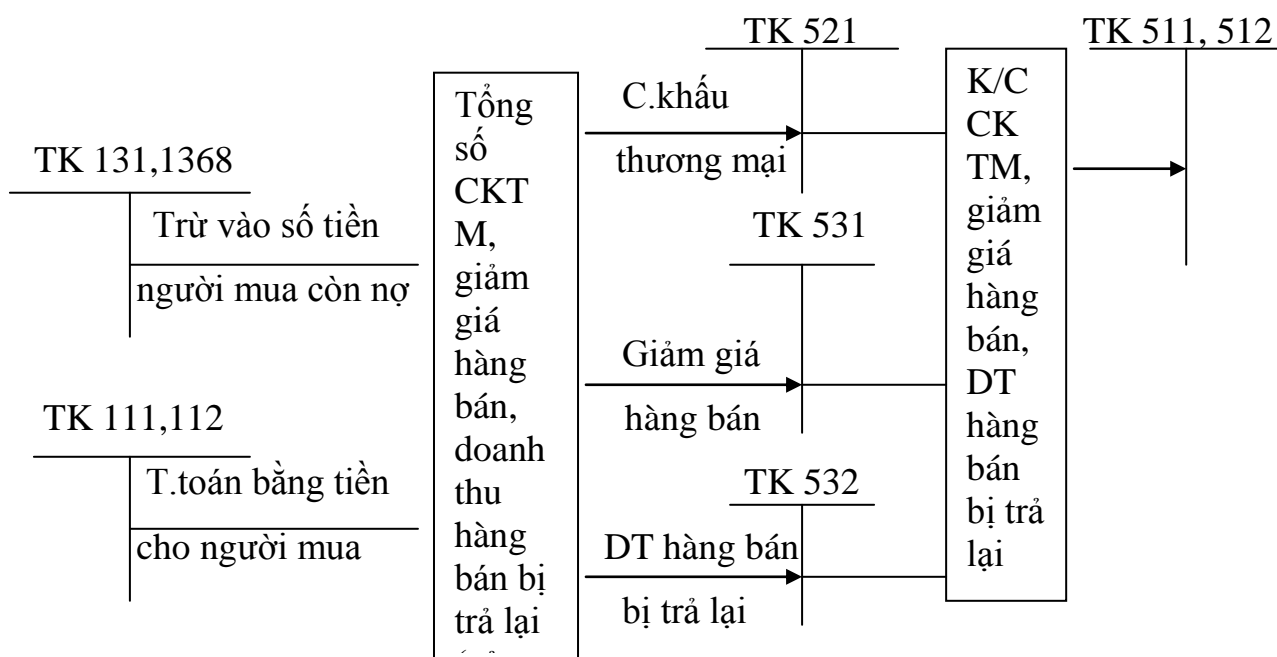
*** Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:**

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 8: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.





1.3.3 Kế toán chi phí

1.3.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán

** Phương pháp xác định trị giá vốn hàng xuất bán*

Giá vốn hàng bán là một nhân tố cấu thành kết quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy để xác định đúng đắn kết quả sản xuất kinh doanh thì ta phải xác định được đúng trị giá vốn hàng xuất bán.

Việc tính trị giá vốn hàng xuất bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. nếu hàng hoá giống nhau được mua với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán

Do mỗi doanh nghiệp có đặc điểm riêng, yêu cầu trình độ quản lý, điều kiện trang bị kỹ thuật khác nhau mà phương pháp xác định trị giá vốn thực tế của hàng

xuất kho phù hợp. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

*** Phương pháp tính theo giá đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

*** Phương pháp nhập trước - xuất trước**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng

*** Phương pháp nhập sau - xuất trước**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

a. Hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Bảng kê mua hàng
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo co của ngân hàng...

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá, thành phẩm kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời phải ghi nhận về số lượng hiện vật, kho hàng sử dụng Thẻ kho

Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng Bảng tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá để lập Báo cáo bán hàng.

*** Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

*** Nội dung và kết cấu tài khoản:**

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” phản ánh trị giá vốn của hàng hoá, sản phẩm đã được xuất bán trong kỳ.

Bên nợ:

- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.
- Các khoản khác được tính vào trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

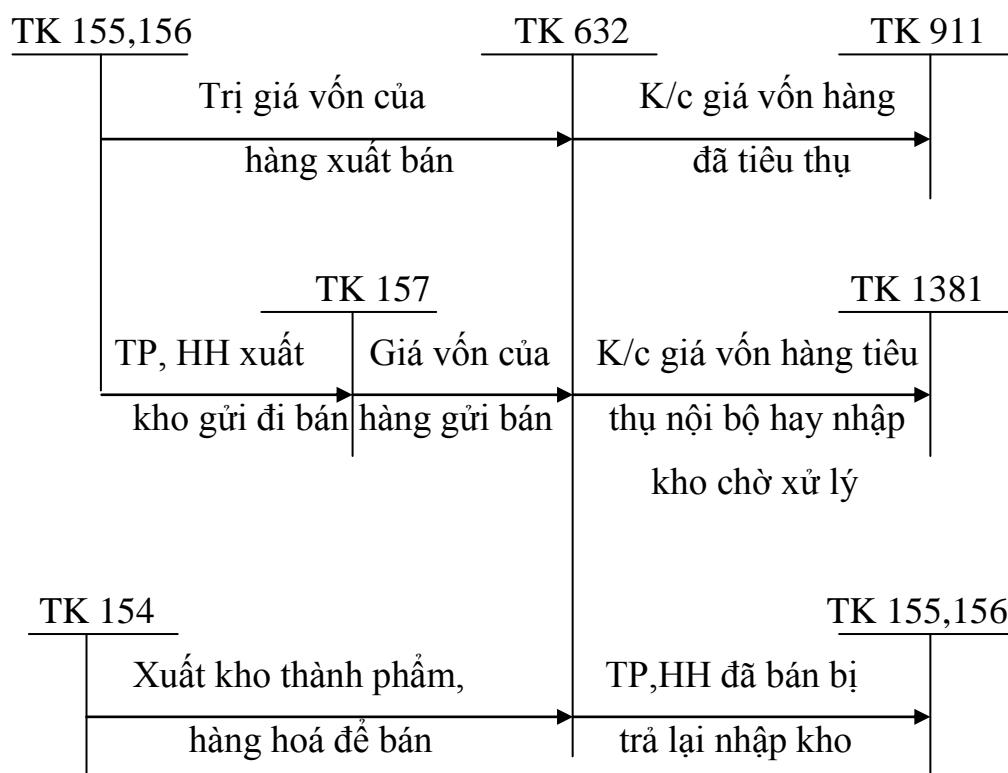
Bên có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ.
- Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

Tài khoản 632 không có số dư

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 9a: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



b. Hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ.

Tài khoản 611 “mua hàng”: tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

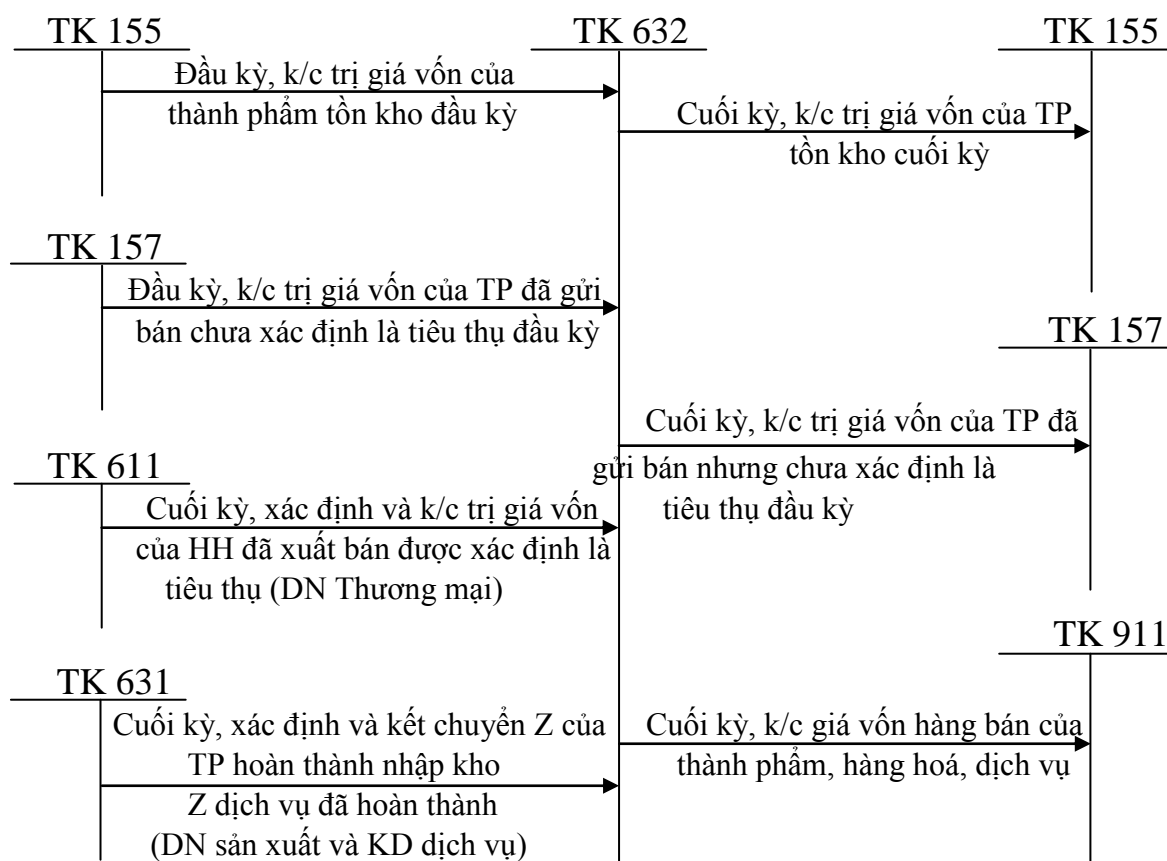
- + Tài khoản 6111: Mua nguyên vật liệu
- + Tài khoản 6112: Mua hàng hóa

Tài khoản 631: “giá thành sản xuất”

- Chứng từ sử dụng trong phương pháp này là phiếu xuất kho kiêm hoá đơn bán hàng, trên chứng từ bán hàng có chữ ký của khách hàng nhận hàng và các chứng từ liên quan khác như phiếu thu, giấy báo có, giấy nhận nợ do khách hàng đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán

***Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 9b: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức KKĐK



1.3.3.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1. Chi phí bán hàng

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kế toán tập hợp đến cuối kỳ để thực hiện kết chuyển hoặc phân bổ xác định kết quả kinh doanh. Tùy thuộc

vào loại hình doanh nghiệp, cuối kỳ sản xuất kinh doanh và tùy thuộc vào doanh thu tiêu thụ trong kỳ để kế toán kết chuyển hoặc phân bổ chi phí bán hàng

Bên nợ: Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa ,dịch vụ

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ tài khoản 911.

*** Chứng từ sổ sách ghi chép:**

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị tạm thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...

- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.

- Bảng trích khấu hao.

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 641.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ được căn cứ vào mức độ (quy mô) phát sinh chi phí, vào doanh thu bán hàng ghi và vào chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp sao cho bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào tài khoản 142 (1422- Chi phí chờ kết chuyển). Số chi phí này sẽ được kết chuyển, một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau

khi có doanh thu.

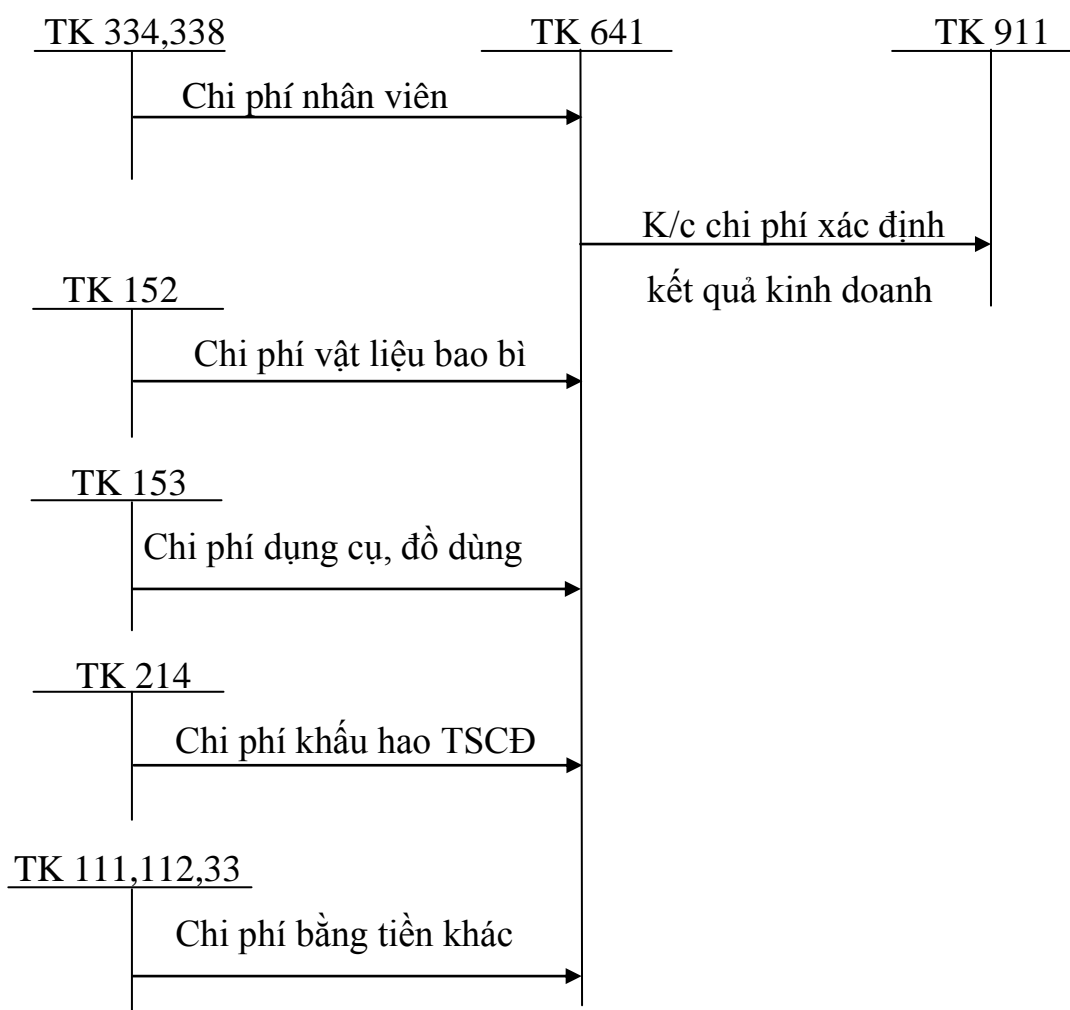
Công thức phân bổ:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH phân} \\
 \text{bổ cho hàng còn} \\
 \text{lại cuối kỳ}
 \end{array}
 = \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH chưa} \\
 \text{phân bổ đầu kỳ}
 \end{array}
 + \begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH phát} \\
 \text{sinh trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá hàng xuất} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 + \begin{array}{l}
 \text{Trị giá hàng còn} \\
 \text{lại cuối kỳ}
 \end{array}
 }
 * \begin{array}{l}
 \text{Trị giá} \\
 \text{hàng còn} \\
 \text{lại cuối kỳ}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH phân bổ} \\
 \text{cho hàng đã bán}
 \end{array}
 = \begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH} \\
 \text{chưa phân bổ} \\
 \text{đầu kỳ}
 \end{array}
 + \begin{array}{l}
 \text{Chi phí phát} \\
 \text{sinh trong kỳ}
 \end{array}
 - \begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH} \\
 \text{còn lại cuối} \\
 \text{kỳ}
 \end{array}$$

*** Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng



2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

* **Nội dung:** Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp. Tài khoản 642 không có số dư và gồm có các tài khoản cấp 2 sau:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên bộ phận quản lý
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Tài khoản 6425: Chi phí thuê, phí và lệ phí
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6428: Chi phí chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở thêm một số tài khoản cấp 2 để phản ánh các nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

* **Chứng từ sổ sách ghi chép:**

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...
- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.
- Bảng trích khấu hao.

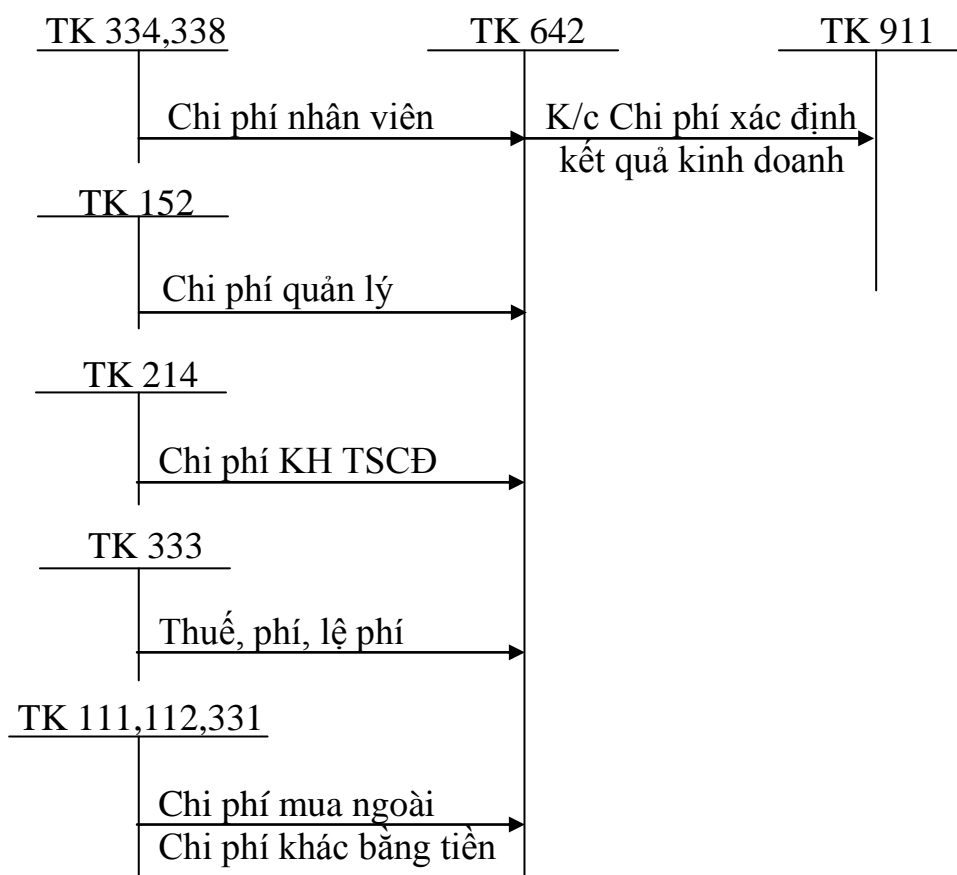
Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 642

Cuối kỳ hạch toán, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh. Trong trường hợp

doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài hạn, trong kỳ có ít hoặc không có sản phẩm tiêu thụ, để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, kế toán kết chuyển một phần chi phí quản lý sang tài khoản 142 (1422) để chờ phân bổ trong những kỳ tiếp theo

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.3.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

*** Chứng từ sử dụng:**

- Sổ phụ, Giấy báo nợ, báo có của ngân hàng...
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ liên quan khác.

1. Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do bên mua hàng hoá, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác. Doanh thu được ghi nhận vào TK 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

- Lãi tỷ giá hối đoái

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Kết cấu của TK 515

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

- Chiết khấu thanh toán được hưởng

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ

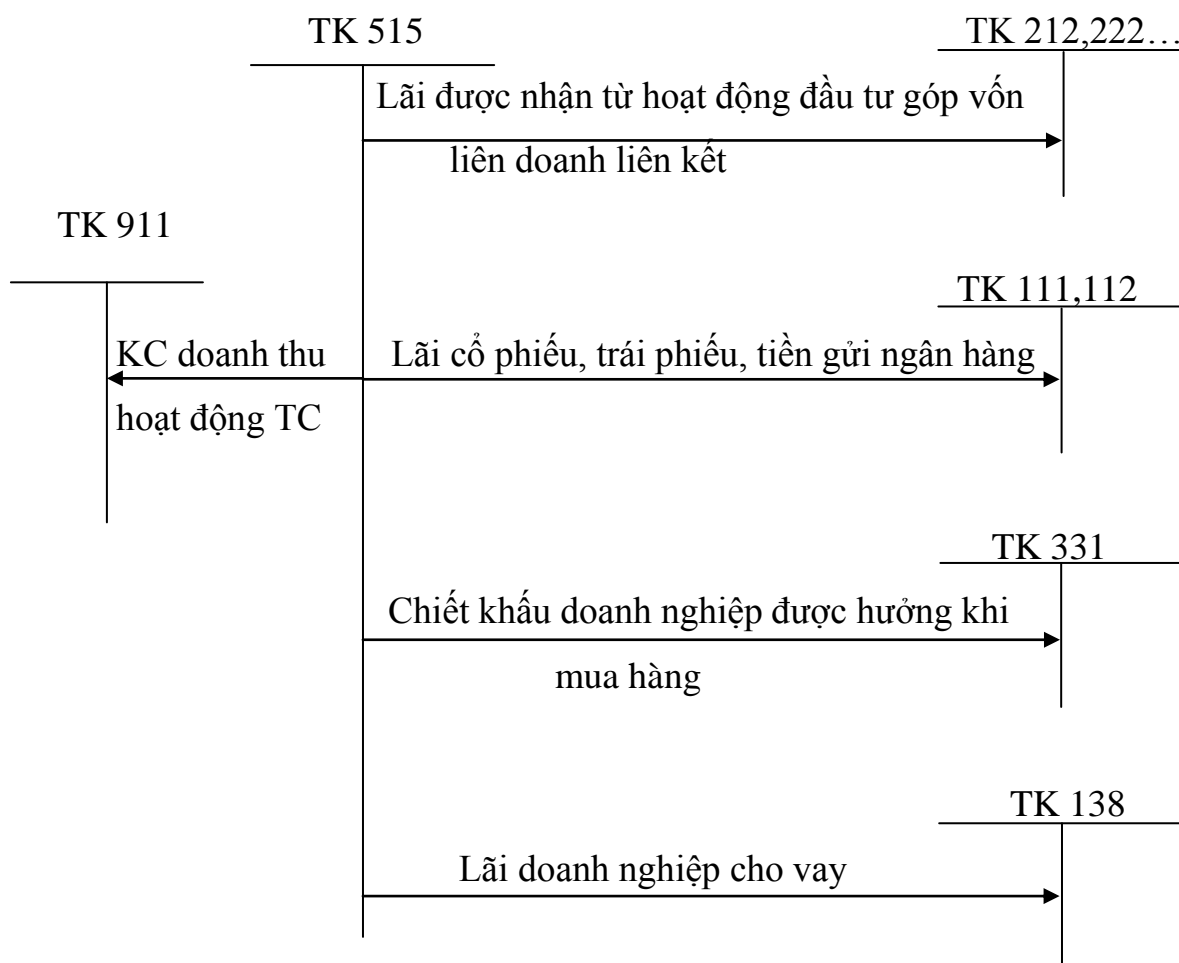
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

* *Trình tự hạch toán:*

Sơ đồ 12: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



2. Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí HĐTC bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí kinh doanh bất động sản
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác
- Chi phí tài chính khác

Kết cấu của Tài khoản 635

Bên nợ:

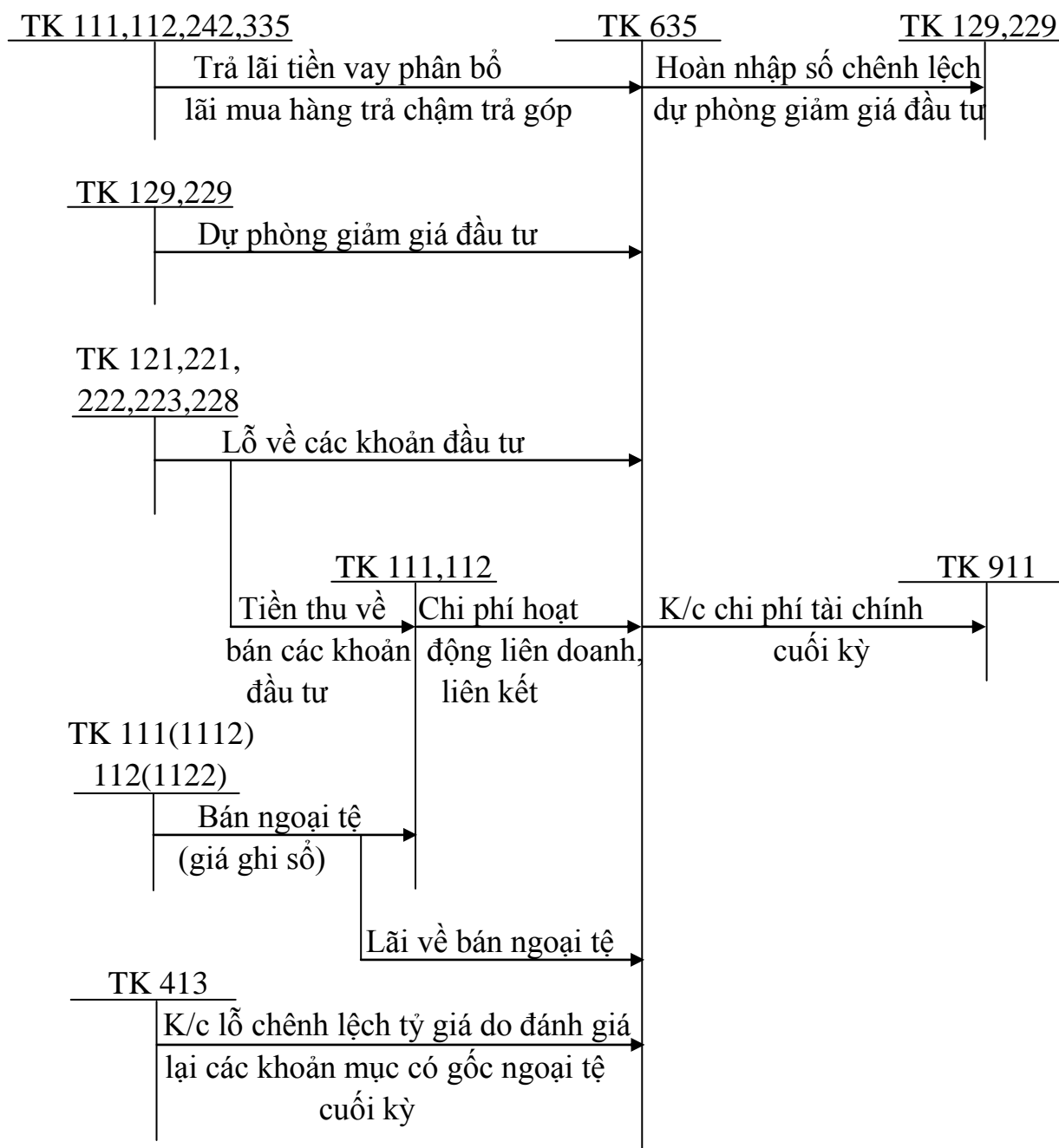
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 13: Kế toán chi phí tài chính



1.3.3.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

1.Thu nhập khác (TK 711)

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh

thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

Kết cấu của TK 711:

Bên nợ:

Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911

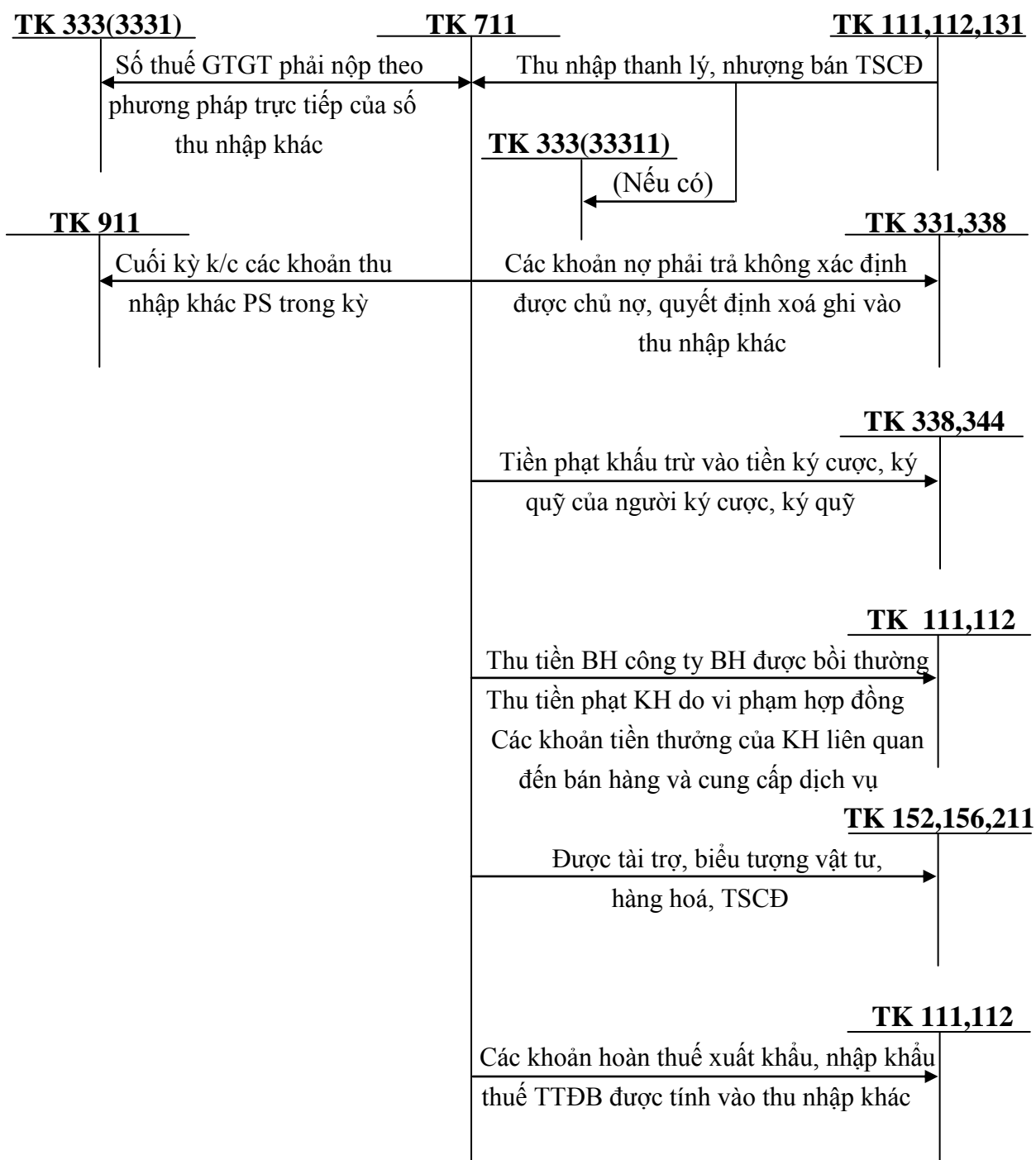
Bên có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư.

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 14 Kế toán thu nhập khác



2. Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế

- Các khoản chi phí khác

Kết cấu của Tài khoản 811

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh

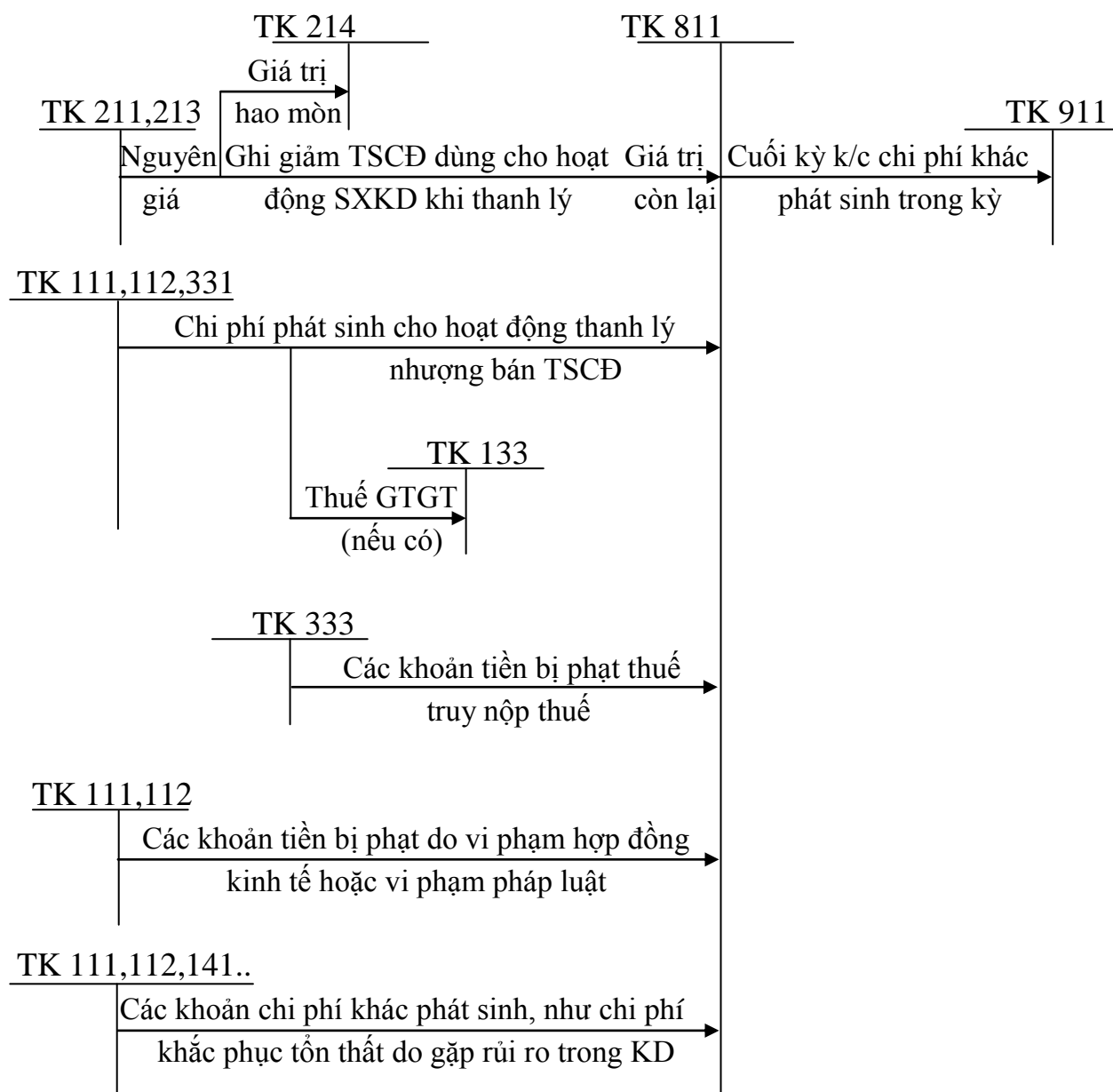
Bên có:

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư.

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 15: Kế toán chi phí khác



1.3.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

* **Chứng từ sử dụng:** Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các số liên quan khác

* **Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”** - TK khoản này sử dụng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài

chính và kết quả hoạt động khác.

- Nội dung kết cấu tài khoản 911:

Bên nợ:

+ Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
 + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và CP khác;

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Kết chuyển lãi

Bên có:

+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư.

- Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về bán} \\ \text{hang và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn hàng bán} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ hoạt} \\ \text{động sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{gộp về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu hoạt} \\ \text{động tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array}$$

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	- Chi phí khác
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	- Lợi nhuận khác
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối:

Tài khoản này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh (lãi, lỗ) và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- + Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- + Nộp lợi nhuận cho cấp trên.

Bên có:

- + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù
- + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

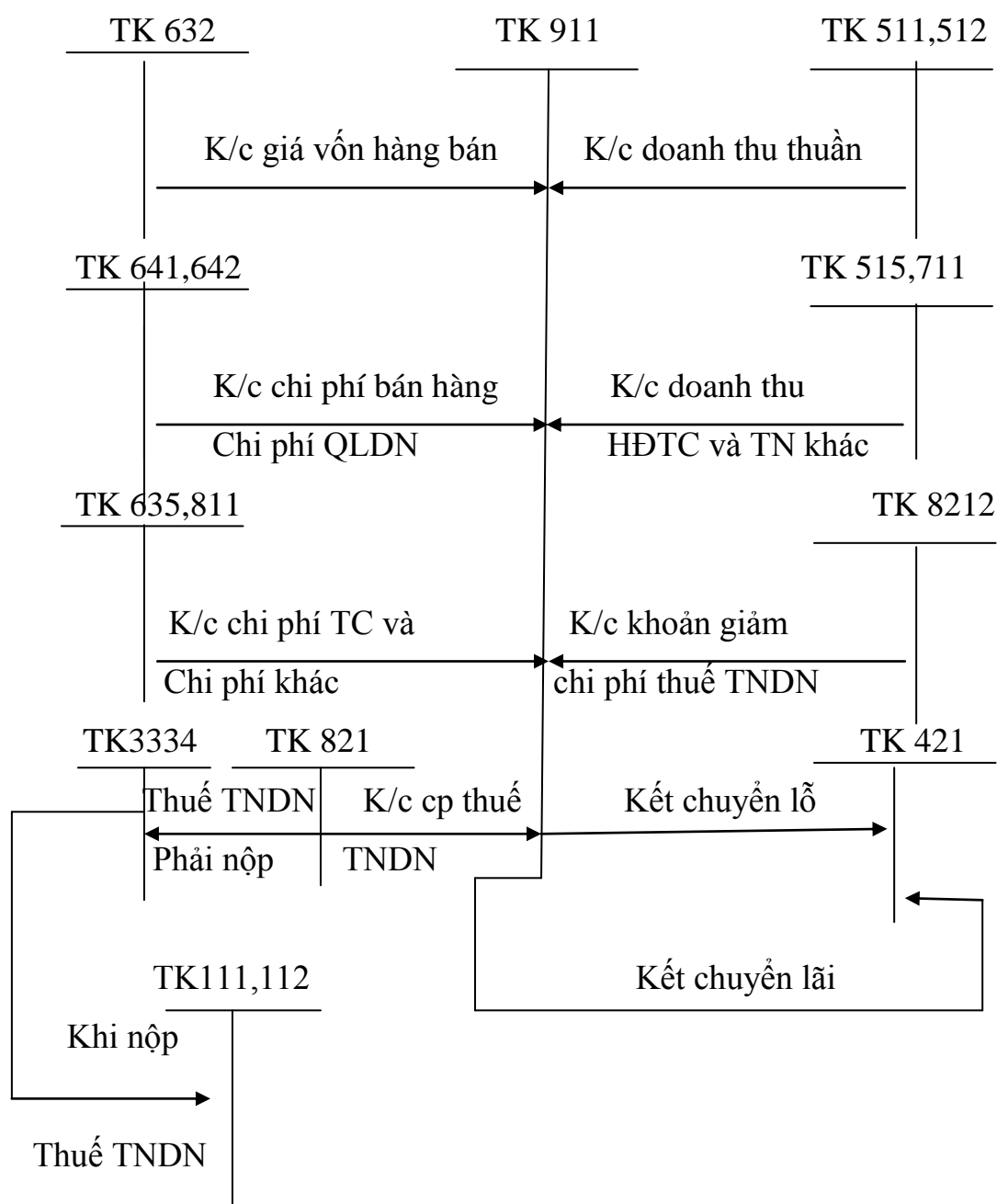
- + Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- + Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Tài khoản 421 (Lợi nhuận chưa phân phối) có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + Tài khoản 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

* Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 19: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



- Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu} & & \text{DT để tính thu nhập} & & \text{CP hợp lý} & & \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} & = & \text{chịu thuế trong năm} & - & \text{trong năm} & + & \text{thuế khác trong} \\ & & \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{năm tính thuế} \end{array}$$

*** Kết cấu và nội dung tài khoản 821:****Bên nợ:**

- + Chi phí thuế thu nhập hiện hành phát sinh trong năm;
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- + Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8218- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm thời phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- + Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”;

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 821- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư đầu kỳ

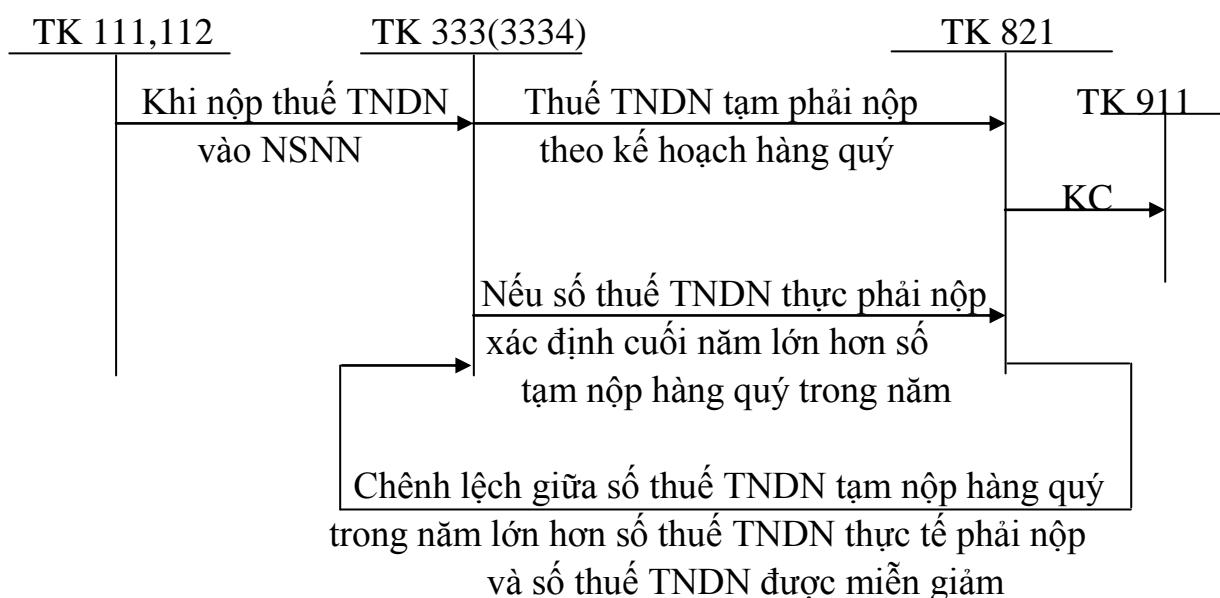
- Tài khoản 821- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

*** Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 17: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)



1.4 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng

quy định của hình thức sổ kế toán đó. Theo quyết định 15 của bộ tài chính các doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán như sau:

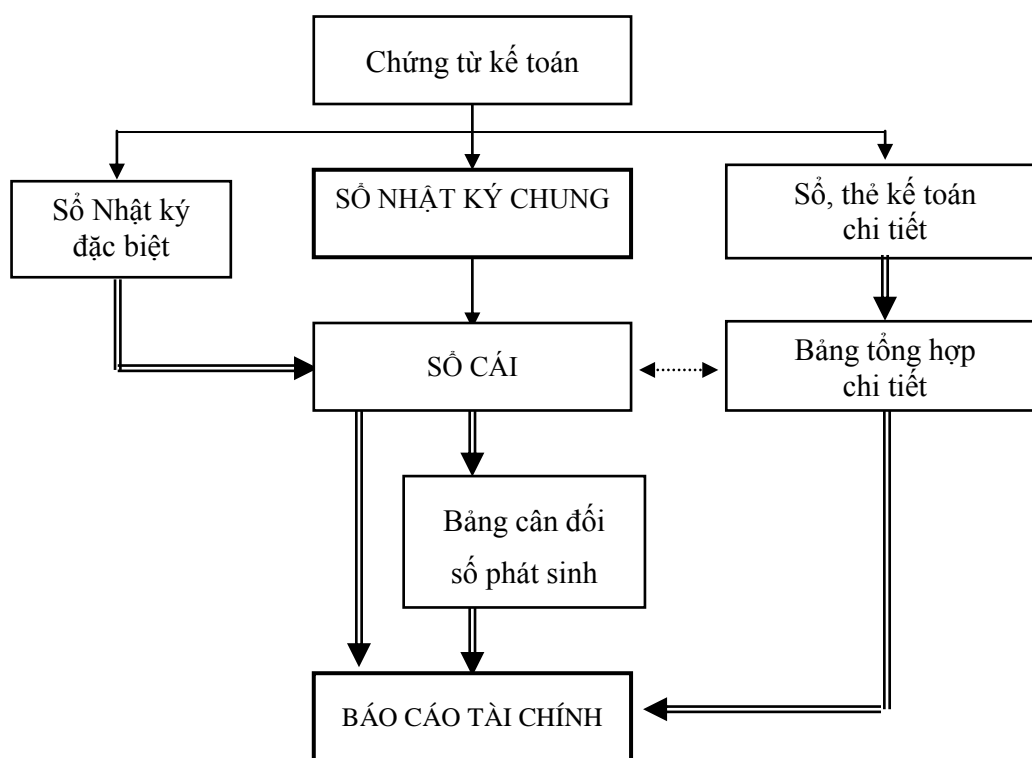
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Biểu 01: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

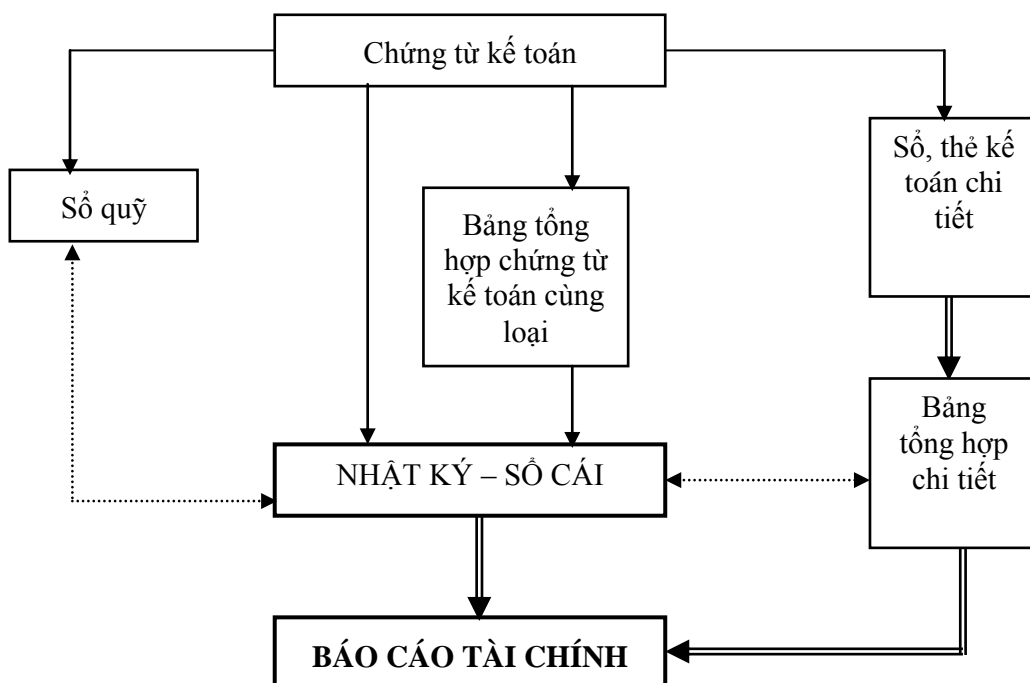
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Biểu 02: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.4.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự

thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

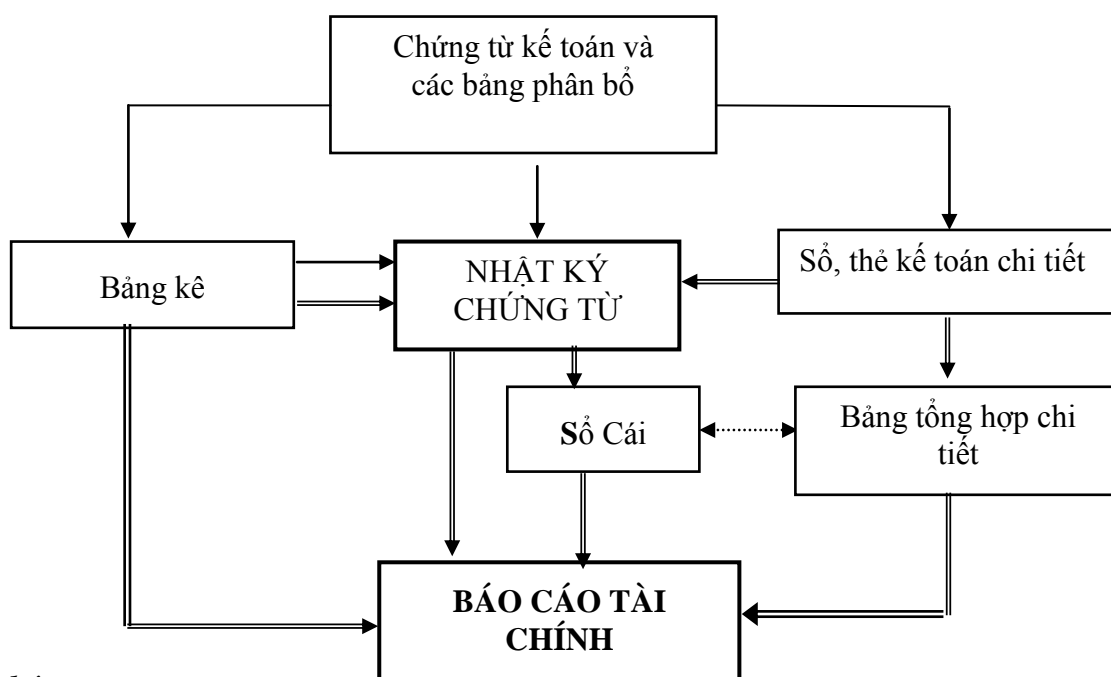
Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Biểu 04: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Chứng Từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

1.4.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức này là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

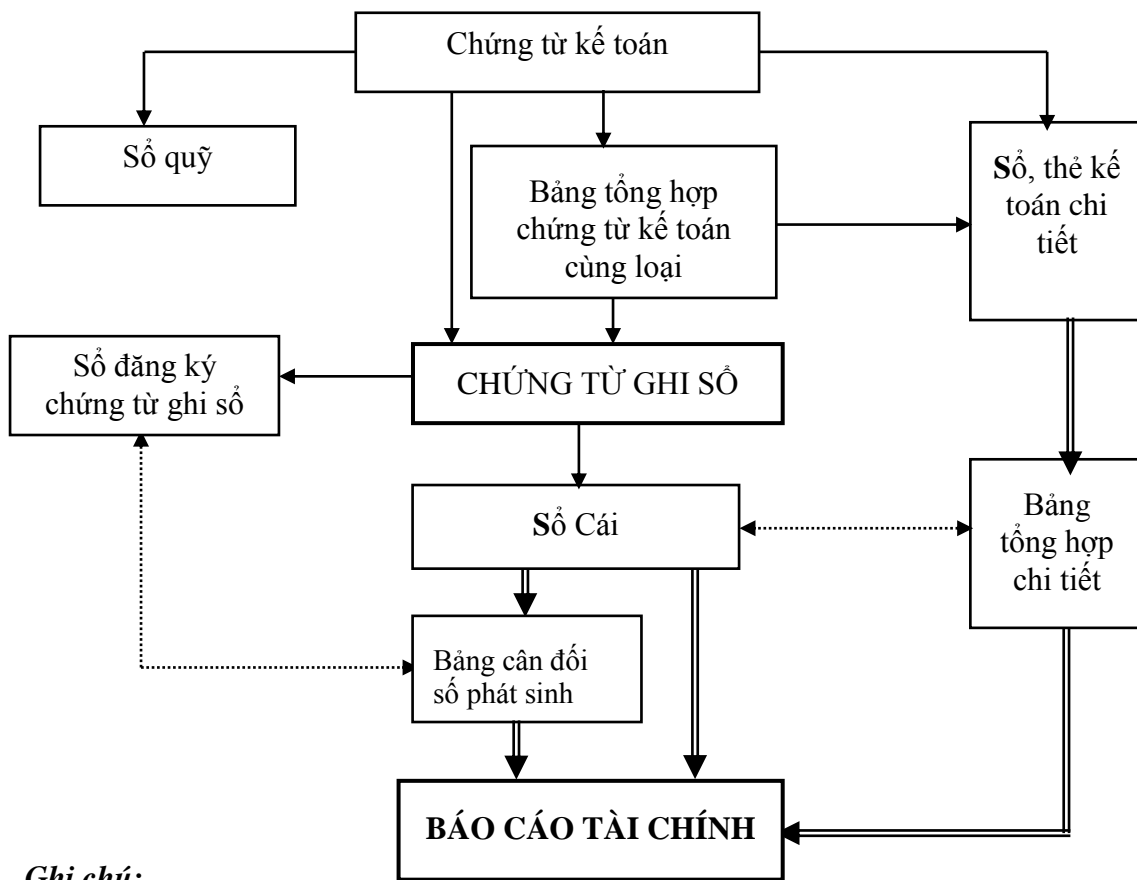
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Biểu 03: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng Từ Ghi Sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

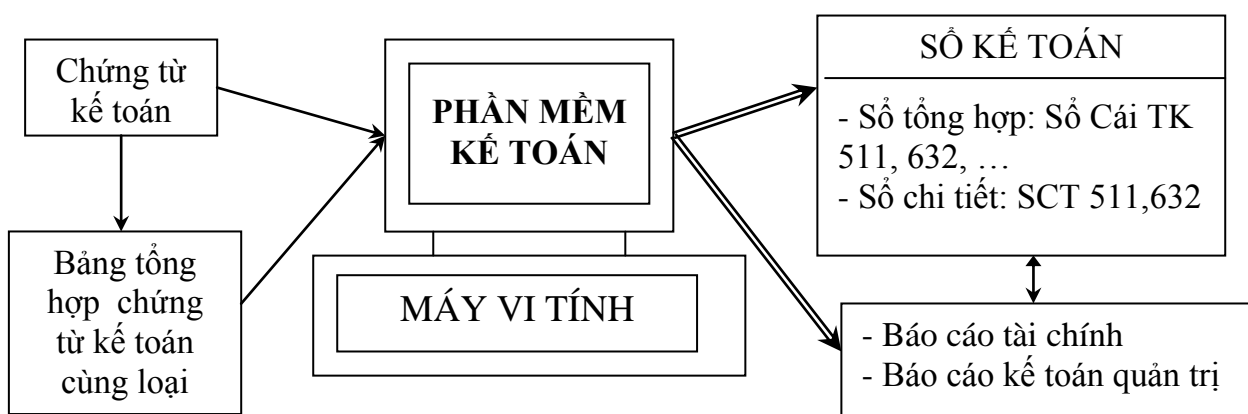
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế

toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định

Biểu số 05: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



- Ghi chú**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

PHẦN 2:

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG
TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH**

2.1 Đặc điểm tình hình chung của công ty cổ phần kim chính

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Kim Chính

Công ty cổ phần Kim Chính là một Công ty có 3 thành viên trở lên, được tổ chức và hoạt động theo quyết định đăng ký kinh doanh số 0800280892, đăng ký ngày 27/06/2003 do sở kế Hoạch và Đầu tư cấp

Ngày 27/06/2003 Công ty được ra đời và chính thức đi vào hoạt động.

- Tên Doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH**
- Tên giao dịch quốc tế: **KIM CHÍNH JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **KIM CHÍNH JSC**
- Trụ sở : Đường Hồng Quang kéo dài, khu 10, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại : 03203.259.888
Fax:0320.3753.576
- Vốn điều lệ : 9.000.000.000 đồng.
- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng
- Số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp:
 - + Số cổ phần đã góp: 90.000 cổ phần
 - + Giá trị vốn cổ phần đã góp: 9.000.000.000 đồng
- Số cổ phần được quyền chào bán: không

**** Thời điểm thành lập và các mốc quan trọng trong quá trình phát triển:***

Công ty Cổ phần Kim Chính mà tiền thân của nó là Công ty Thương Mại Kim Chính, được xây dựng từ năm 2003 theo quyết định đăng ký kinh doanh số 0800280892, đăng ký ngày 27/06/2003 do sở kế Hoạch và Đầu tư cấp. Khi mới thành lập, Công ty kinh doanh một số ngành nghề kinh doanh đơn giản với tính chất

công việc không phức tạp. Khi đất nước đang trên đà phát triển thì nhu cầu phát triển của Công ty ngày càng quan trọng hơn. Và trong những năm qua, Công ty đã từng bước củng cố và phát triển để đáp ứng sự tăng trưởng của Công ty. Cụ thể:

Cuối năm 2003, đây là thời kỳ đầu Công ty mới bước vào kinh doanh nên Công ty mới chỉ có một nhà kho và một số bến bãi nhỏ, chủ yếu là để chứa hàng. Do nhu cầu của Công ty và để phục vụ tốt hơn nữa quá trình kinh doanh của Công ty thì đến đầu năm 2004 Công ty đã tiến hành mở rộng quy mô, nâng tổng số nhà kho bến bãi lên gấp nhiều lần.

Ngoài ra, tháng 06/2004, Công ty còn cho phép thành lập thêm một xí nghiệp vận tải và dịch vụ vận tải đường bộ ngay trên địa điểm Công ty làm trụ sở chính.

Đến ngày 25/11/2004 Công ty quyết định đăng ký thay đổi thành Công ty Cổ phần Kim Chính để phù hợp hơn với sự vận động phát triển của Công ty trong nền kinh tế thị trường.

Công ty cổ phần Kim Chính là doanh nghiệp thương mại và dịch vụ chủ yếu cung ứng vật tư nông nghiệp cho bà con nông dân tỉnh Hải Dương và một số tỉnh khác theo quyết định đăng ký kinh doanh số 0800280892, đăng ký lần đầu vào ngày 27/06/2003, đăng ký thay đổi lần một vào ngày 25/11/2004 và lần thứ 6 vào ngày 01 tháng 06 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp. Là đại lý cấp một của Công ty Supe Phốt Phát Lâm Thao và là khách hàng quan trọng của Công ty dầu khí Phú Mỹ (vũng tàu).

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Kim Chính nằm tại thôn Tiền Trung – Xã Ái Quốc - Huyện Nam Sách - Tỉnh Hải Dương. Trụ sở chính của Công ty nằm trên tuyến đường 183 là nơi giao nhau giữa 3 khu vực kinh tế lớn là Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công ty. Trong những năm qua Công ty là đơn vị có nhiều thành tích trong kinh doanh, là đơn vị thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, năm 2006 Công ty được chứng nhận là một trong 100 doanh nhân trẻ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Kim Chính là một doanh nghiệp thương mại trẻ nên mối quan tâm lớn nhất của Công ty là hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh.

Đây không chỉ là nhiệm vụ chính của Công ty mà còn là yếu tố hết sức quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty.

2.1.2.Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Do tính chất đặc thù là công ty thương mại nên Công ty kinh doanh các ngành nghề sau:

- Vận tải hàng hóa đường bộ trong nước;
- Mua bán và đại lý mua bán vật tư nông nghiệp, hàng nông sản,
- Mua bán xăng dầu, mỡ, nhớt, gas, nhựa đường, khí đốt hoá lỏng, hoá chất hoá dầu.
- Bình ắc quy, săm, lốp, phụ tùng xe máy và ô tô.
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng: xi măng, sắt thép...
- Dịch vụ hỗ trợ vận tải(khách hàng, hàng hóa) đường bộ.
- Sản xuất mua bán xuất nhập khẩu các mặt hàng bằng nhựa(màng nilon, túi nilon các loại, quần áo đi mưa, chai nhựa,tấm nhựa các loại...
- Cho thuê nhà văn phòng và kho bãi
- Mua bán, sản xuất, gia công, tái chế, xuất nhập khẩu giấy các loại và bìa các tông
- San lấp mặt bằng công trình, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, nhà dân dụng
- Mua bán nguyên vật liệu phục vụ xây dựng công trình giao thông
- Lắp đặt điện nước công trình,đầu tư kinh doanh chợ, đại lý bảo hiểm...

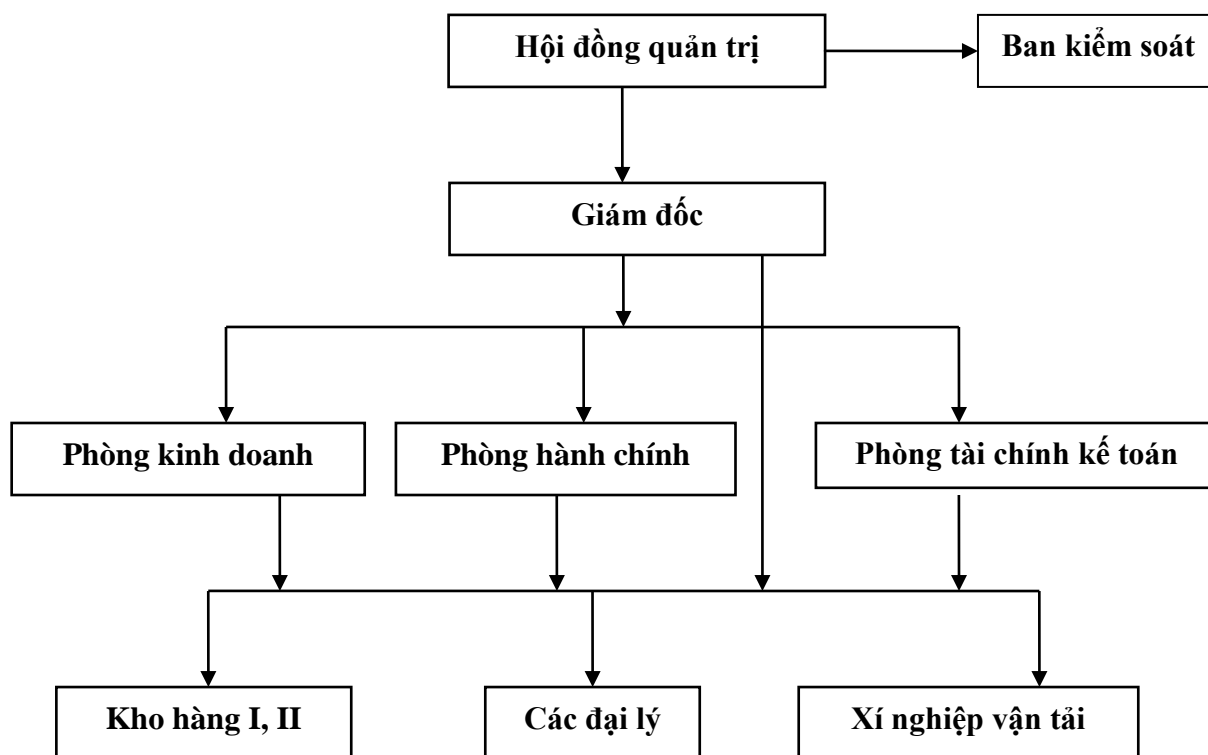
Trong đó ngành nghề chính của công ty là: Vận tải hàng hóa đường bộ trong nước; mua bán và đại lý mua bán vật tư nông nghiệp, hàng nông sản, mua bán xăng dầu, mỡ, nhớt, gas...Cung cấp cho thị trường nội, ngoại thành Hải Dương và các tỉnh lân cận.

Công ty Cổ phần Kim Chính là một doanh nghiệp luôn chủ động trong việc tìm kiếm thị trường và ký kết hợp đồng kinh tế. Giá trị hợp đồng kinh tế hàng năm chiếm từ 75% đến 95% giá trị sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây là thế mạnh và cũng là lĩnh vực chính của Công ty sau gần 7 năm lăn lộn với cơ

ché của nền kinh tế thị trường.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:



(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính Công ty)

*Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị (HĐQT): gồm có 4 thành viên, một chủ tịch, một phó chủ tịch, hai uỷ viên, có nhiệm kỳ 4 năm. HĐQT có toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi công ty phù hợp với pháp luật, quản lý hoặc chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc khác của công ty trong phạm vi nhiệm vụ của mình.

- Ban kiểm soát: Gồm 3 thành viên do hội đồng cổ đông bầu ra. Đây là tổ chức thay mặt các cổ đông kiểm soát các hoạt động kinh doanh và điều hành công ty theo đúng pháp luật.

- Giám đốc Công ty: là người đại diện pháp nhân của Công ty, người có thẩm quyền cao, có trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm chung cho việc tổ chức quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty và các mặt khác của Công ty. Tổ chức động viên cán bộ

công nhân viên Công ty ra sức phấn đấu vượt kế hoạch mà cấp trên giao. Công ty có mô hình bộ máy quản lý được tổ chức kết hợp theo mô hình hỗn hợp (trực tuyến và chức năng) mà các doanh nghiệp hiện nay cho là hữu hiệu nhất. Do đó, vai trò và nhiệm vụ của giám đốc trong việc điều hành tổ chức là rất quan trọng. Nó đòi hỏi giám đốc phải thực sự năng động, sáng suốt trong kinh doanh và luôn nhạy bén với thị trường. Tuy nhiên, với sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp và của thị trường, giám đốc phải cần đến sự giúp đỡ của các phòng ban và các bộ phận khác trong quá trình quản lý và điều hành như:

- Phòng tài chính kế toán: Có nhiệm vụ tổ chức và tiến hành thu lợi phí đồng thời lập phiếu thu chi, theo dõi và hướng dẫn các đơn vị lập kế hoạch thu chi. Quản lý các loại vốn của Công ty, giám sát và theo dõi đơn vị kinh doanh sử dụng nguồn vốn nhằm đảm bảo chất lượng tốc độ vòng quay của vốn nhanh nhất. Có quyền cắt giảm những chi phí bất hợp lý trong quá trình thu chi của Công ty, đảm bảo tiết kiệm vốn và đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất. Hay nói cách khác phòng kế toán có vai trò quan trọng trong quá trình phân tích hoạt động và kiểm soát tài chính của Công ty, tham mưu cho giám đốc trong việc tổ chức có hiệu quả các nguồn vốn, tài sản của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Có nhiệm vụ ghi chép phản ánh và cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến lượng hàng hoá, dịch vụ phát sinh. Trên cơ sở đó tổng hợp, tính toán kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phòng hành chính: là nơi sắp xếp, bố trí nơi sinh hoạt, làm việc cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Lập kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ công nhân viên trong Công ty. Đồng thời có nhiệm vụ theo dõi, quản lý tình hình nhân sự trong Công ty. Đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào khi vận hành đều phải cần đến một tổ chức nhân sự ổn định, vững vàng thì mới đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp được. Nhất là doanh nghiệp tư nhân như Công ty Cổ phần Kim Chính thì những chế độ, điều kiện làm việc, mức lương... đều được doanh nghiệp thoả thuận đối với mỗi người lao động. Tuy nhiên, với tính chất công việc của Công ty mang tính chất mùa vụ là chủ yếu nên ngoài số lượng lao động chính thức trong Công ty, đôi khi để phục vụ “đúng, đủ, kịp thời” và phục vụ tốt hơn nữa, doanh nghiệp phải

thuê thêm lao động ở ngoài. Vì vậy, vai trò của phòng quản lý hành chính kiêm công tác quản lý nhân sự ngày càng quan trọng và được nâng cao hơn nữa.

- Phòng kinh doanh: có nhiệm vụ kiểm tra, theo dõi, giám sát việc xuất nhập hàng, làm công tác Marketing trong việc tìm kiếm thị trường hoạt động, đề ra các chiến lược kinh doanh, giao dịch với khách hàng. Đi sâu vào thị trường, đặc biệt là những thị trường mới mẻ, có nhiều tiềm năng, tìm những phương hướng đường đi đúng đắn cho doanh nghiệp. Theo dõi, nắm chắc và phát hiện kịp thời những biến động để có những phương hướng kịp thời và đúng đắn trong kinh doanh.

- Các đại lý trực thuộc Công ty: Đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển Công ty. Là nơi diễn ra việc mua bán trực tiếp, tiếp xúc với khách hàng, tiếp thu lắng nghe ý kiến của khách hàng, điều này giúp cho Công ty tiếp thu và rút kinh nghiệm trong việc phân phối sản phẩm để ngày càng hoàn thiện hơn.

- Xí nghiệp vận tải: là nơi doanh nghiệp dùng để chứa các sản phẩm như xăng, dầu, nhớt, gas... là nơi để ô tô phục vụ cho quá trình bán hàng của Công ty và phục vụ cho quá trình vận tải đường bộ.

- Các kho hàng: Kho hàng I và II đều là những kho hàng lớn và quan trọng dùng làm các kho chứa hàng của Công ty khi nhập hàng về hoặc khi xuất hàng đi.

*** *Mối quan hệ giữa các bộ phận trong bộ máy quản lý của Công ty***

Bộ máy quản lý của Công ty được xếp từ trên xuống dưới, các bộ phận được phân chia rõ ràng với từng nhiệm vụ riêng nhưng cùng chịu sự giám sát điều hành của cấp trên. Ngược lại Hội đồng quản trị và Giám đốc phải lắng nghe ý kiến, tiếp nhận sự đóng góp ý kiến của các báo cáo hoạt động thống nhất và ổn định về công việc của cấp dưới để bộ máy quản lý của Công ty hoạt động thống nhất và ăn khớp với nhau, luôn giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau.

Trong quá trình tổ chức quản lý doanh nghiệp, các phòng ban và các bộ phận có nhiệm vụ giúp việc cho giám đốc và cùng có mục đích chung là quản lý và phát triển doanh nghiệp. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, các bộ phận này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, luôn có sự hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau. Kết quả của bộ phận này sẽ là cơ sở để bộ phận khác rút kinh nghiệm cũng như có những giải pháp kịp thời để đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra bình thường.

2.1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian qua.

***Thuận lợi:** Qua tìm hiểu Công ty cho thấy Công ty có nhiều thuận lợi giúp cho doanh nghiệp phát triển nhanh và mạnh hoạt động kinh doanh của mình. Cụ thể Công ty có những thuận lợi như sau:

Thứ nhất, về địa điểm hoạt động: Công ty có trụ sở hoạt động kinh doanh nằm giữa 3 khu vực kinh tế lớn là Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Đây là tuyến đường giao thông thuận lợi cho Công ty hoạt động kinh doanh đa ngành nghề. Mặt khác, đây cũng là nơi tập trung dân cư đông đúc với ngành nghề chính là trồng trọt đã giúp doanh nghiệp phát triển mạnh và chủ yếu kinh doanh phân bón cho bà con nông dân.

Thứ hai, về bộ máy tổ chức quản lý: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty rất gọn nhẹ, đơn giản giảm bớt được chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả cao.

Thứ ba, về thái độ làm việc của cán bộ công nhân viên: Cán bộ công nhân viên trong Công ty rất tận tình và chu đáo đã tạo được sự tin tưởng của khách hàng, điều này đã đem đến cho Công ty nhiều hợp đồng có giá trị lên đến hàng tỷ đồng, hứa hẹn một sự phát triển bền vững trong tương lai...

Bên cạnh những thuận lợi trên là tiền đề cho sự phát triển của doanh nghiệp, nó tác động tích cực cho quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty thì Công ty cũng gặp không ít khó khăn gây trở ngại cho hoạt động của Công ty.

***Khó khăn:** Công ty đã vấp phải một khó khăn mà hầu hết Công ty nào khi vận hành cũng gặp phải, đó là vấn đề về vốn. Với một doanh nghiệp còn non trẻ như Công ty thì vấn đề về vốn luôn là vấn đề quan trọng. Điều này, khiến cho việc kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong vấn đề sử dụng vốn sao cho hợp lý nhất mà không gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Kim Chính là một doanh nghiệp thương mại kinh doanh đa dạng các loại hàng hoá khác nhau, trong đó chủ yếu vẫn là kinh doanh phân bón cho bà con nông dân trong địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận do đó nhu cầu sử dụng vốn của Công ty là rất lớn. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu Công ty còn sử dụng nguồn vốn tín dụng như vay Ngân

hàng, vay của các tổ chức tín dụng khác với lượng vốn khá lớn. Thực tế nguồn vốn kinh doanh của Công ty là thiếu so với nhu cầu vốn kinh doanh nên phần lớn Công ty hoạt động kinh doanh dựa vào nguồn vốn vay. Nguồn vay chủ yếu của Công ty là Ngân hàng công thương Hải Dương.

Mặt khác, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là phân bón mà phụ thuộc rất lớn vào tính chất mùa vụ nên khi cần lại không đáp ứng đủ vì số lượng tiêu thụ quá lớn và khi hết mùa vụ thì lại có nhiều dẫn đến tồn đọng hàng trong kho tất yếu dẫn đến ứ đọng vốn. Nguồn lực nhân viên của Công ty là rất trẻ, trình độ học vấn không cao, kinh nghiệm công tác chưa nhiều cũng là một phần ảnh hưởng đến chất lượng công việc trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

**** Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong những năm qua.***

Qua nhiều năm hoạt động Công ty đã khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Công ty cổ phần Kim Chính đã trở thành Công ty đứng đầu trong việc cung cấp các sản phẩm phân bón phục vụ bà con nông dân trong toàn tỉnh Hải Dương. Kết quả đạt được trong những năm 2009, 2010 như sau:

- Về lao động: Công ty Cổ phần Kim Chính là một doanh nghiệp trẻ, nhưng có tốc độ phát triển khá nhanh. Hiện nay, Công ty đang mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh do đó số lượng lao động gián tiếp cũng như lao động phục vụ làm việc tại công ty ngày càng tăng. Tính đến tháng 12/2010, tổng số lao động trong công ty là 135 người. Công ty đã tuyển chọn được đội ngũ có trình độ học vấn cao vào làm công tác quản lý Công ty, giúp Công ty ngày càng phát triển hơn.

- Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty: (ĐVT:VNĐ):

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	30.219.008.725	56.938.736.739
B. Tài sản dài hạn	6.484.726.704	7.609.052.851
Tổng cộng tài sản	36.703.735.429	64.547.789.590
NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	26.420.838.456	53.886.373.268
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	10.282.896.973	10.661.416.322
Tổng cộng nguồn vốn	36.703.735.429	64.547.789.590

Bảng: Tình hình biến động của tài sản và nguồn vốn tại Công ty cổ phần Kim Chính trong 2 năm 2009, 2010

Nhìn vào bảng trên ta thấy: Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty đã được tăng cường, quy mô và năng lực kinh doanh được mở rộng, sự gia tăng này chắc chắn sẽ tạo ra nguồn lợi tức lớn trong dài hạn của công ty.

- Về sự biến động trong doanh thu: (ĐVT: VNĐ):

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	130.454.418.346	226.910.819.524
Lợi nhuận sau thuế	317.943.647	382.176.681

Bảng: Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2009, 2010

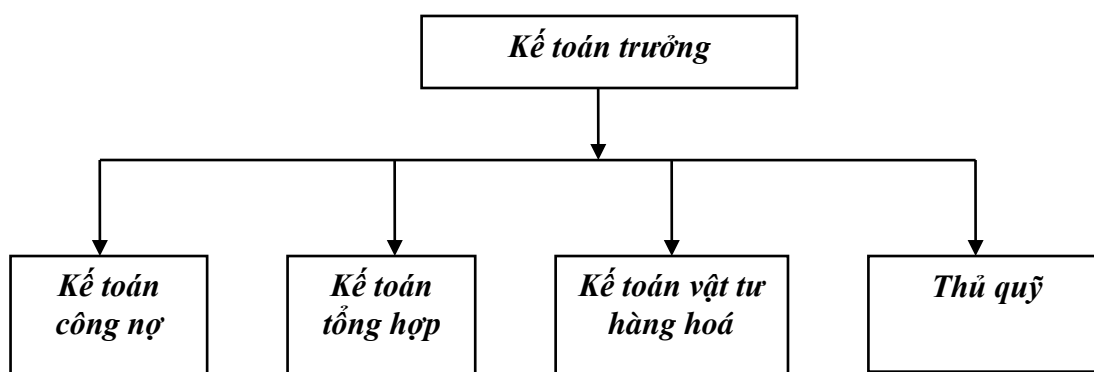
Nhìn vào bảng trên ta thấy lợi nhuận của công ty đạt được tương đối ổn định. Năm 2010 lợi nhuận của công ty tăng 71.453.448 đồng so với năm 2009 tương ứng với 21,85 %. Điều này chứng tỏ rằng Công ty kinh doanh có hiệu quả, Công ty cần phát huy trong những năm tới.

2.2 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là phòng tài chính kế toán. Trong phòng kế toán trưởng là người quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, làm báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán tại công ty.

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức phòng kế toán trong Công ty



(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

Trong đó:

Kế toán trưởng đồng thời là trưởng phòng kế toán, có trách nhiệm lập báo cáo hàng quý, hàng năm. Là người trực tiếp quản lý các bộ phận trong phòng kế toán, điều hành toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong phòng kế toán tài chính. Hay nói cách khác kế toán trưởng là người thông báo, cung cấp các thông tin kế toán cho cấp trên, tổ chức và chỉ đạo toàn bộ công tác tài chính, tín dụng và thông tin kinh tế ở Công ty.

Kế toán công nợ: là nơi theo dõi, đối chiếu các khoản nợ của khách hàng còn nợ, khi thanh toán các khoản phải thu, phải trả của đơn vị. Kế toán phải làm nhiệm vụ theo dõi đối chiếu công nợ nên việc theo dõi phải sát xao các khoản phải thu và phải trả. Kế toán có trách nhiệm tính toán tính chính xác toàn bộ khoản khách hàng thanh toán cho Công ty cũng như các khoản phải thu của Công ty.

Kế toán bán hàng: theo dõi tình hình nhập kho vật tư hàng hoá, viết hoá đơn bán hàng, tính thuế và kế toán thuế...

Thủ quỹ: Nhập quỹ tiền mặt, quản lý việc thu chi tiền mặt của Công ty, hàng tháng đi rút tiền về để chi trả lương cho cán bộ công nhân viên, chi theo chứng từ, trả các đơn vị khác, hàng ngày tập hợp các chứng từ thu chi, từ thu chi tiền mặt và lập báo cáo số dư quỹ tiền mặt hàng ngày.

*** *Nhiệm vụ và chức năng của phòng kế toán trong Công ty***

Theo dõi, hạch toán quá trình kinh doanh, dịch vụ mà Công ty được sự cho phép của Nhà nước, ngoài ra còn cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty. Báo cáo gồm những thông tin về tài sản và sự vận động của tài sản trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm kiểm tra giám sát hoạt động kinh tế tài chính của Công ty, đồng thời phải đảm bảo tính so sánh nhất quán, tính chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời và đầy đủ mà rõ ràng và dễ hiểu. Chính vì vậy, nhiệm vụ cơ bản của phòng kế toán Công ty gồm:

- Ghi chép phản ánh số tài sản hiện có của Công ty và tình hình luân chuyển sử dụng tài sản, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch thu chi tài chính, tình hình thu nộp và thanh toán. Kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng tài sản, sử dụng nguồn vốn kinh doanh, phát hiện và ngăn ngừa hành vi tham ô, vi phạm chế độ chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cung cấp tài liệu, số liệu cho việc điều hành và quản lý các hoạt động trong Công ty. Kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế - tài chính, phục vụ công tác lập kế hoạch theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch.

- Lựa chọn hình thức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

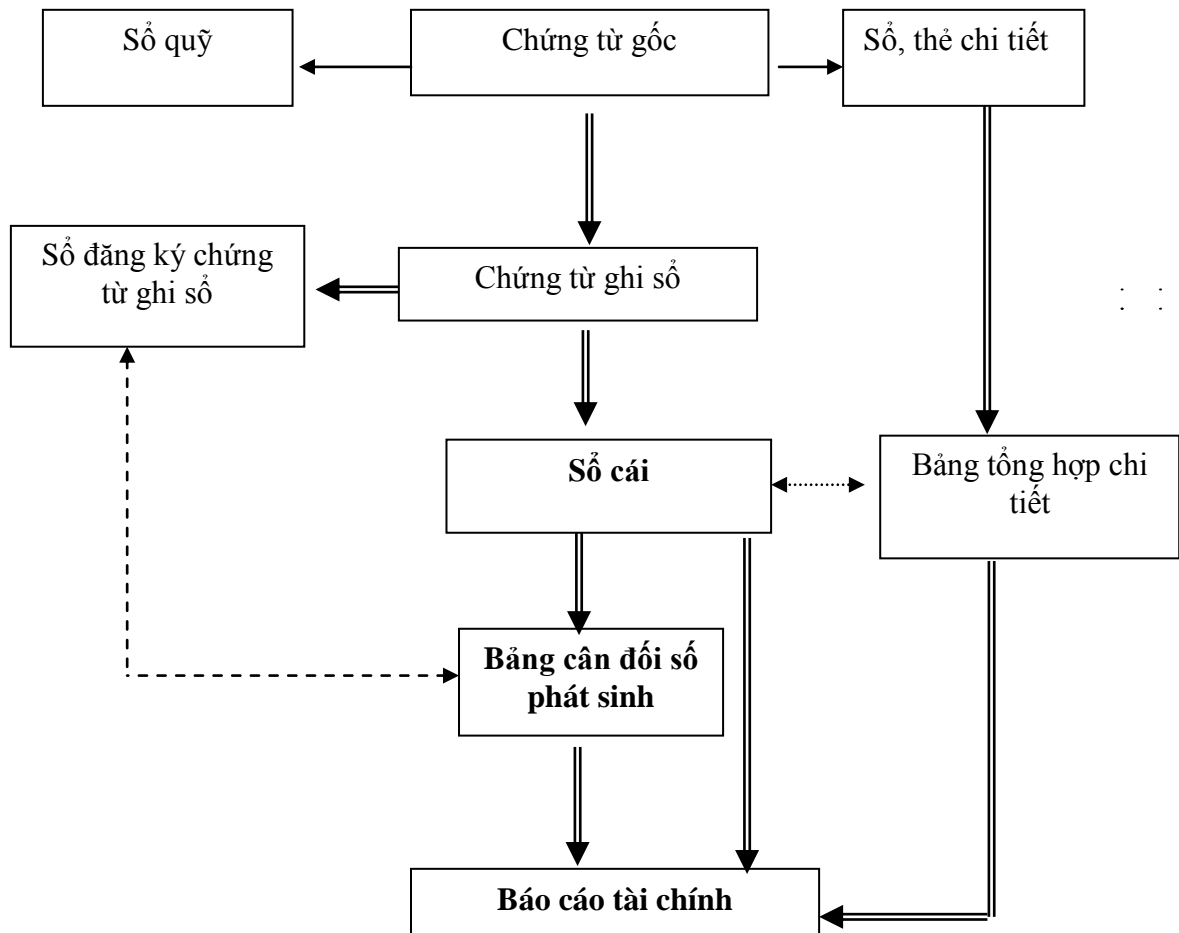
- Luôn luôn đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và đúng tiến bộ.

- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ, có chất lượng nội dung công tác kế toán của Công ty.

2.2.2 Hình thức sổ kế toán trong Công ty

Hiện nay, Công ty Cổ phần Kim Chính ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ và hàng tồn kho hạch toán độc lập theo phương pháp kê khai thường xuyên - Là một công ty hạch toán độc lập về số liệu SXKD. Chứng từ ghi sổ được lập trên cơ sở các chứng từ gốc có cùng nội dung kinh tế, bởi vậy kế toán Công ty phải xác định được nội dung mở chứng từ ghi sổ theo mục đích phản ánh, sau đó tùy thuộc tính chất phát sinh nghiệp vụ của đối tượng, mở chứng từ ghi sổ để xác định kỳ ghi chứng từ ghi sổ và quy trình hạch toán hệ thống sổ kế toán của hình thức “chứng từ ghi sổ” mô tả theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Hình thức hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Trong đó:

- > Ghi hàng ngày.
- =====> Ghi cuối tháng
-<--> Đối chiếu, kiểm tra

*** Trình tự ghi sổ kế toán trong hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ**

Hàng tháng nhân viên kế toán phụ trách từng phân hành căn cứ vào các chứng từ gốc đã kiểm tra lập các chứng từ ghi sổ. Đối chiếu những nghiệp vụ kế toán phát sinh nhiều và thường xuyên, cuối tháng hoặc định kỳ căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ gốc lập các chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong được chuyển đến kế toán trưởng ký duyệt rồi chuyển cho bộ phận kế toán tổng hợp với đầy đủ chứng từ gốc kèm theo để bộ phận ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sau đó ghi vào Sổ cái. Cuối tháng khoá sổ tìm ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và tổng phát sinh Nợ, tổng phát sinh Có của từng tài khoản trên sổ cái, tiếp đó căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh của các tài khoản tổng hợp trên bảng cân đối phát sinh của các tài khoản tổng hợp trên trên bảng cân đối số phát sinh phải khớp nhau và khớp với số tiền của sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Các chứng từ liên quan đến tiền vào sổ quỹ riêng.

*** Hệ thống sổ của công ty**

Để giúp đơn vị quản lý hạch toán kế toán chính xác, kịp thời đáp ứng yêu cầu công tác quản lý kế toán, hiện nay công ty đã áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ với hệ thống sổ chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và các báo cáo kế toán theo hệ thống báo cáo của Bộ tài chính.

Sổ đăng ký chứng từ: Là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian, sổ này vừa dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vừa để kiểm tra đối chiếu với bảng cân đối kế toán.

Sổ cái: Là sổ kế toán tổng hợp dùng để tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tài khoản tổng hợp quy định trong chế độ kế toán. Sổ cái là sổ thường đóng thành quyển, mở cho từng tháng một trong đó mỗi tài khoản được dành riêng một trang hoặc một số trang sổ tùy theo khối lượng nghiệp vụ ghi chép nhiều hay ít.

Bảng kê: Dùng để kê các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có cùng nội dung.

2.2.3 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty CP Kim Chính

Công ty CP Kim Chính đã, đang thực hiện chế độ kế toán mới theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, với hệ thống tài khoản và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước mới ban hành.

Về hình thức kế toán: Để giúp đơn vị quản lý, hạch toán kinh tế chính xác kịp thời, đáp ứng yêu cầu công tác kế toán hiện nay, công ty đã áp dụng trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “ Chứng từ ghi sổ” với sự hỗ trợ của hệ thống công thức của Microsoft excel đã được xây dựng cho phù hợp với tình hình của công ty

Ngoài ra Công ty áp dụng:

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ
- Phương pháp kiểm kê hàng tồn kho: theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vật tư xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền..
- TSCĐ được tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đều
- Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.2.4 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty CP Kim Chính

Hiện nay, Công ty cổ phần Kim Chính tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.2.5 -Hệ thống tài khoản kế toán

Dựa vào đặc điểm của công ty cổ phần Kim Chính là công ty kinh doanh dịch vụ nên hệ thống tài khoản của công ty sử dụng cũng nhiều, công ty đã đăng kí sử dụng hầu hết các tài khoản theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC và các tài khoản sửa đổi, bổ sung theo các thông tư hướng dẫn. Công ty không sử dụng một số tài khoản như:TK 113, TK 121, TK 159, TK 221, TK 611, TK 631....Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu của công tác kế toán, Công ty mở thêm một số tài khoản cấp 2, cấp 3.

2.2.6 Hệ thống báo cáo của công ty

- ✓ Báo cáo tài chính:
 - Bảng cân đối kế toán.

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

2.3 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Chính.

2.3.1 Kế toán doanh thu tại Công ty cổ phần Kim Chính.

**** Nội dung doanh thu tại Công ty cổ phần Kim Chính.***

Doanh thu chủ yếu của Công ty Cổ phần Kim Chính là từ việc cung cấp sản phẩm phân bón, lương thực, dịch vụ vận tải cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Nhiệm vụ tiêu thụ hàng hoá tại công ty là nhiệm vụ mang lại lợi nhuận chủ yếu cho công ty. Vì vậy công tác quản lý nhiệm vụ tiêu thụ hàng hoá được chú trọng nhằm mục đích tổ chức hợp lý quá trình đưa hàng tới tay khách hàng với chi phí thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng hàng hoá nâng cao quy mô bán hàng. Thực hiện mục đích này Công ty mới có khả năng thu hút được khách hàng, tạo uy tín cho Công ty trên thương trường. Từ đó hoạt động kinh doanh của Công ty mới đạt hiệu quả cao. Để quản lý vốn chặt chẽ, tránh tình trạng chiếm dụng vốn lâu dài, Công ty cổ phần Kim Chính đã áp dụng phương pháp tiêu thụ trực tiếp với 2 hình thức chủ yếu là bán lẻ và bán buôn:

- Phương thức bán lẻ: khách hàng chủ yếu là các cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu mua hàng tại công ty với số lượng ít.

- Phương thức bán buôn: Với phương thức này, Công ty sẽ giao hàng trực tiếp đến các công ty, đại lý nhỏ có nhu cầu mua với số lượng lớn và thông thường là những khách hàng quen thuộc của công ty.

**** Phương thức thanh toán:***

- Bán hàng thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng hầu hết với mọi đối tượng khách hàng. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

+ Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng kế toán viết hóa đơn GTGT. Hóa đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

Liên 1: Màu tím được lưu lại chuyển hóa đơn.

Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng

Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

+ Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo Có kèm theo sổ phụ của Ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

- Phương thức bán chịu: Được áp dụng với khách hàng lớn, khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp. Trong những giai đoạn khó khăn phải cạnh tranh với đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây chỉ là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

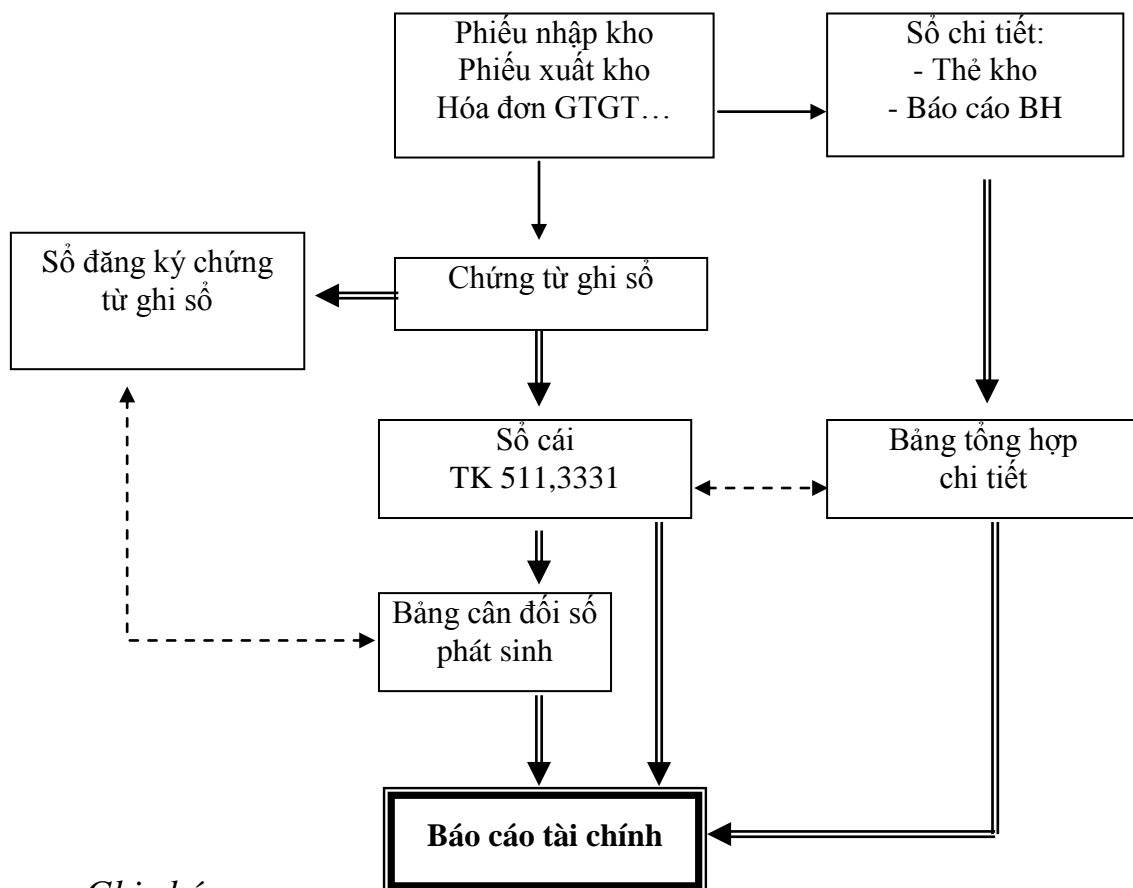
* **Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng:** Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty về việc mua bán các sản phẩm của Công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thoả thuận, khi sản phẩm được xuất khỏi kho của Công ty và chuyển tới khách hàng thì sổ hàng này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, phòng tiêu thụ viết Hoá đơn GTGT và phiếu xuất kho

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết tài khoản 511
- Sổ quỹ tiền mặt, TGNH
- Sổ cái TK 511, 3331...
- Một số sổ sách khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 111, TK 112, TK131, TK 511, TK 3331,...

*** Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Khi nhận được hóa đơn yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán tiêu thụ viết phiếu xuất kho hàng hóa, sau khi viết xong chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó kế toán viết hóa đơn GTGT về bán hàng hóa. Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao khách hàng

Liên 3: Nội bộ

Trên HĐGTGT phải ghi đủ các thông tin như sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ bán hàng
- Tên đơn vị bán hàng, địa chỉ, số điện thoại, fax, MST...
- Họ và tên người mua hàng, địa chỉ, số tài khoản, MST...
- Hình thức thanh toán
- Tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu, số thuế GTGT, tổng cộng tiền thanh toán

Cuối tháng, căn cứ kế toán căn cứ vào HĐGTGT và phiếu xuất kho để làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 511, sau đó vào bảng cân đối số phát sinh.

Từ Bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết TK 511, sổ cái TK 511 tập hợp vào Báo cáo tài chính.

2.3.2 Ví dụ minh họa:

Ngày 30/6/2010, Công ty bán hàng trực tiếp cho Đại lý Trung Quân, mặt hàng đạm Phú Mỹ với số lượng 2000kg. Tổng giá bán chưa thuế GTGT là 17.900.000đ (Thuế suất VAT 10%). Đại lý đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0065195 (Mẫu biểu số 1.1), thủ kho tiến hành viết phiếu xuất kho số 720 (Mẫu biểu số 1.2). Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kế toán viết phiếu thu số PT01036 (Mẫu biểu số 1.3). Sau đó tiến hành vào sổ quỹ tiền mặt để phản ánh số tiền thu được (Mẫu biểu số 1.4) và lập sổ chi tiết TK 511 (Mẫu biểu số 1.5)

Cuối tháng kế toán tập hợp các chứng từ (hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho...) có nội dung giống nhau để lập một chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 1.6), và kết chuyển TK 511 sang TK 911 để lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 1.7)

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 1.6 và 1.7) kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 1.8) và ghi sổ cái TK 511 (Mẫu biểu số 1.9)

Mẫu biểu số 1.1:

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

AX/2010B

Liên 3: Nội bộ

0065195

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Kim Chính

Địa chỉ: Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Số tài khoản:

Điện thoại: 0320.375.4444

MS: 0800280892

Họ tên người mua hàng: Lê Trung Quân

Tên đơn vị: Đại lý Trung Quân

Địa chỉ: Ngã ba hàng TP Hải Dương

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đạm Phú Mỹ	Kg	2000	8950	17.900.000
Cộng tiền hàng:					17.900.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.790.000
Tổng cộng thanh toán					19.690.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu) Giám đốc	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu biểu số 1.2:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số 02 -VT
Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 720
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Nợ TK 632:16.622.000
Có TK 156:16.622.000

Họ và tên người nhận hàng: Lê Trung Quân – Đại lý Trung Quân

Lý do xuất kho: Xuất bán đạm Phú Mỹ

Xuất tại kho: hàng hóa

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐV Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Phân bón đạm Phú Mỹ	Kg	2000	2000	8311	16.622.000
	Cộng		2000			16.622.000

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn.

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập phiếu
(ký,họ tên)

Người giao hàng
(ký,họ tên)

Thủ kho
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Mẫu biểu số 1.3:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số: 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng

BTC)

PHIẾU THU

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Quyển số: 03

số: PT 1036

Nợ 111: 19.690.000

Có 511: 17.900.000

Có 3331: 1.790.000

Họ tên người nộp tiền: Lê Trung Quân

Địa chỉ : Đại lý Trung Quân - Ngã ba hàng TP Hải Dương

Lý do nộp : Thu tiền bán hàng HĐ 0065195

Số tiền : **19.690.000VND**

Viết bằng chữ : Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ kế toán HĐGTGT 0065195

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Mẫu biểu số 1.4:

Đơn vị: **CÔNG TY CP KIM CHÍNH**

Mẫu số S07a-DN

Địa chỉ: **Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại TK: Tiền mặt tại quỹ Mã hiệu: 111

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng	Số phiếu		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
			Dư đầu tháng 6			<u>121.119.800</u>
.....
26/06/2010	PT1030		Bán hàng cho công ty CP Việt Tín	18.055.000		130.626.500
28/06/2010		PC0798	Thanh toán tiền điện thoại		520.500	130.106.000
30/06/2010	PT1036		Bán hàng cho đại lý Trung Quân	19.690.000		149.796.000
...
			Cộng phát sinh	20.155.664.944	20.147.023.885	
			Số dư cuối tháng			<u>129.760.860</u>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.5

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511

Tên sản phẩm: Đạm Phú Mỹ

Mẫu số S34-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
							
			Tháng 6/2010					
							
26/06/2010	0065190	26/06/2010	Bán hàng cho công ty CP Việt Tín	111	4600	8925		18.055.000
29/06/2010	0065195	29/06/2010	Bán hàng cho công ty CP vận tải Đức Mạnh	112	6200	8950		55.490.000
30/06/2010	0065196	30/06/2010	Bán hàng cho đại lý Trung Quân	111	2000	8950		17.900.000
...
			Cộng phát sinh lũy kế				16.220.630.500	16.220.630.500

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.6:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 11.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Tổng hợp doanh thu bán hàng T6			
...
Doanh thu bán hàng cho công ty CP Việt Tín	111	511	18.055.000
Doanh thu bán hàng cho công ty CP vận tải Đức Mạnh	112	511	55.490.386
Doanh thu bán hàng cho đại lý Trung Quân	111	511	17.900.000
...			...
Cộng			16.220.630.500

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.7:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 19.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu bán hàng tháng 6	511	911	16.220.630.500
Cộng			16.220.630.500

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.8

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02b- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
....	...	
11.06	30/06	16.220.630.500
19.06	30/06	16.220.630.500

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.9:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02c1-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
		Tháng 6/2010			
11.06	30/06	Tổng hợp doanh thu bán hàng T6			
	
		Bán hàng cho công ty CP Việt Tín	111		18.055.000
		Bán hàng cho công ty cổ phần vận tải Đức Mạnh	112		55.490.386
		Bán hàng cho đại lý Trung Quân	111		17.900.000
19.06	30/06	Kết chuyển DT bán hàng tháng 6	911	16.220.630.500	
		Cộng phát sinh		16.220.630.500	16.220.630.500
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.3.2 Kế toán chi phí tại công ty cổ phần Kim Chính.

2.3.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ tại Công ty cổ phần Kim Chính được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Trị giá hàng hóa xuất kho được tính dựa trên công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Trị giá hàng hóa xuất kho} &= \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền} \\ \text{Đơn giá bình quân gia quyền} &= \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}} \end{aligned}$$

*** Sổ sách kế toán:**

- + HĐ GTGT, phiếu xuất kho
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 632, 156, 911...

*** Tài khoản sử dụng:**

- Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán Công ty sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

- Tài khoản liên quan: 156,911

*** Quy trình hạch toán:**

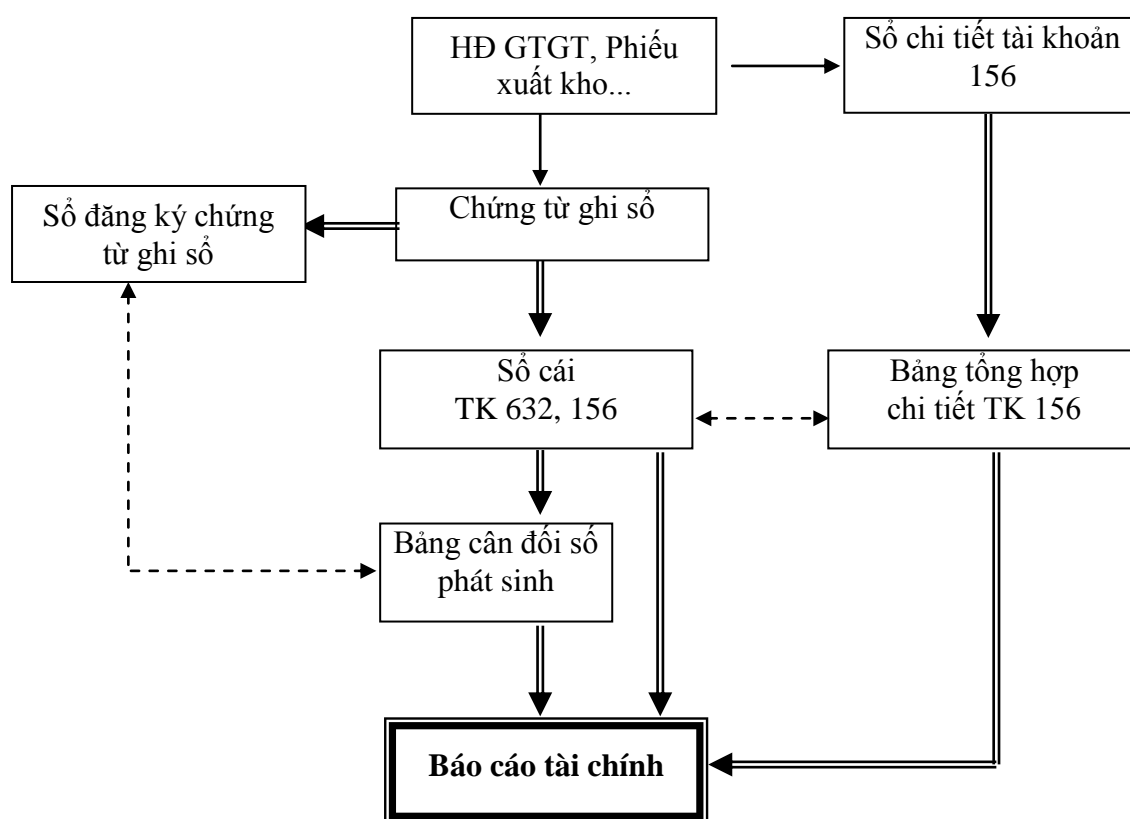
Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng, kế toán sẽ viết hoá đơn GTGT, sau đó chuyển xuống kho để thủ kho lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu ở bộ phận lập cuống phiếu

+ Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển lên phòng kế toán để ghi sổ kế toán

+ Liên 3: Giao cho khách hàng

Cuối tháng kế toán căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu xuất kho để ghi sổ kế toán tập hợp vào chứng từ ghi sổ và ghi vào sổ cái TK 632.



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Kim Chính.

Ví dụ 1: Tính giá vốn hàng bán tháng 6 năm 2010:

*** Đạm Phú Mỹ:**

Tồn đầu kỳ: - Lượng tồn: 8750kg - Trị giá tồn: 72.240.000

Nhập trong kỳ: - Lượng nhập: 10500kg - Trị giá nhập: 87.738.000

$$72.240.000+87.738.000$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{72.240.000+87.738.000}{8750+10500} = 8.311 \text{ đồng}$$

(Đạm Phú Mỹ)

*** Kaly Liên Xô:**

Tồn đầu kỳ: - Lượng tồn: 9750kg - Trị giá tồn: 99.937.500

Nhập trong kỳ: - Lượng nhập: 7350kg - Trị giá nhập: 76.072.500

$$99.937.500 + 76.072.500$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{99.937.500 + 76.072.500}{9750+7350} = 10.293 \text{ đồng}$$

(Kaly Liên Xô)

Ví dụ 2: Ngày 02/06 xuất bán cho Công ty cổ phần Gia Long 5 tấn đạm Phú Mỹ với giá 8650 đồng /kg và 3,5 tấn Kaly Liên Xô với giá bán 10.950 đồng/kg chưa bao gồm 10% thuế GTGT. Khách hàng chưa thanh toán

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế ký kết giữa Công ty Cổ phần Kim Chính với Công ty Cổ phần Gia Long, kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT (Mẫu biểu số 2.1), thủ kho tiến hành viết phiếu xuất kho (Mẫu biểu số 2.2)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán tiến hành lập sổ chi tiết TK 156 chi tiết cho các đối tượng: Đạm phú mỹ (Mẫu biểu số 2.3), Kaly Liên Xô (Mẫu biểu số 2.4)

Đến cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết TK 156 để lập bảng tổng hợp chi tiết TK 156 (Mẫu biểu số 2.5), số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết Tk 156 được đối chiếu với sổ cái TK 156

Cuối tháng căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho để lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 2.6) và kết chuyển giá vốn hàng bán lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 2.7)

Từ chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 2.6 và 2.7) kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 2.8) và sổ cái TK 632 (Mẫu biểu số 2.9) số liệu ghi sổ cái TK632 được lấy từ hai chứng từ ghi sổ trên. Số liệu tổng hợp trong sổ cái TK 632 được dùng để lập báo cáo kết quả kinh doanh

Mẫu biểu số 2.1

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01/GTKT - 3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	AX/2010B
Liên 3: Nội bộ	0065140
Ngày 02 tháng 06 năm 2010	

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Kim Chính
 Địa chỉ: Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương
 Số tài khoản:
 Điện thoại: MS: 0800280892

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thanh Nga
 Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Gia Long
 Địa chỉ: Như Quỳnh - Hưng Yên
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán MS: 0825632405

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đạm Phú Mỹ	Kg	5000	8650	43.250.000
2	Kaly Liên Xô	Kg	3500	10950	38.325.000
Cộng tiền hàng					81.575.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					8.157.500
Tổng cộng thanh toán					89.732.500
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu) Giám đốc	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu biểu số 2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH Mẫu số 02 -VT
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 685

Ngày 02 tháng 06 năm 2010

Nợ TK 632:

Có TK 156:

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thanh Nga- Công ty Cổ phần Gia Long

Lý do xuất kho: Xuất bán đạm Phú Mỹ và Kaly Liên Xô

Xuất tại kho: hàng hóa

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐV Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Đạm Phú Mỹ	Kg	5000	5000		
2	Kaly Liên Xô	Kg	3500	3500		
	Cộng		8.500	8.500		

Số tiền bằng chữ:

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 02 tháng 06 năm 2010

Người lập phiếu
(ký,họ tên)

Người giao hàng
(ký,họ tên)

Thủ kho
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Mẫu biểu số 2.3

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH

Mẫu số S10-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Từ ngày 1/06/2010 đến ngày 30/06/2010

Tài khoản: 156

Tên kho: Kho hàng hóa

Tên quy cách: Đạm Phú Mỹ

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng(kg)	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	(3=2x1)	4	(5=1x4)	6	(7=1x6)	E
		Số tồn đầu kỳ		8.256					8.750	72.240.000	
0082791	01/06	Nhập kho hàng hóa	111	8.356	10.500	87.738.000			19.250	159.978.000	
0065197	02/06	Xuất kho hàng hóa	632	8.311			5.000	41.555.000	14.250	118.423.000	
		
		Cộng trong tháng			100.750	842.275.250	92.650	771.311.250	16.850	143.204.000	

Sổ này có: ...trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày ...tháng...năm...

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.4

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH

Mẫu số S10-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Từ ngày 1/06/2010 đến ngày 30/06/2010

Tài khoản: 156

Tên kho: Kho hàng hóa

Tên quy cách: Kaly Liên Xô

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tôn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng(kg)	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	(3=2x1)	4	(5=1x4)	6	(7=1x6)	E
		Số tồn đầu kỳ		10250					9750	99.937.500	
0082791	01/06	Nhập kho hàng hóa	111	10350	7350	76.072.500			17.100	176.010.000	
0065197	02/06	Xuất kho hàng hóa	632	10293			3500	36.025.500	13.600	139.984.500	
		
		Cộng trong tháng			123.950	1.298.768.240	121.750	1.254.362.569	11.950	144.343.171	

Sổ này có: ...trang, đánh số từ 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: ...

Ngày ...tháng...năm...

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.5

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S11-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Đạm Phú Mỹ	72.240.000	842.275.250	771.311.250	143.204.000
2	Kaly Liên Xô	99.937.500	1.298.768.240	1.254.362.569	144.343.171
...
	Tổng cộng				

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.6

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02a- DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 14.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Tập hợp giá vốn hàng bán tháng 6			
Giá vốn hàng bán	632	156	45.256.560
Giá vốn hàng bán	632	156	77.580.500
...			
Cộng			16.156.625.893

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 2.7:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 20.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 6	911	632	16.156.625.893
Cộng			16.156.625.893

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 2.8

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02b- DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng	
....	...	
14.06	30/06	16.156.625.893
20.06	30/06	16.156.625.893

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 2.9:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02c1-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
		Tháng 6/2010			
14.06	30/06	Tổng hợp giá vốn hàng bán tháng 6			
		Giá vốn hàng bán	156	45.256.560	
		Giá vốn hàng bán	156	77.580.500	
		
20.06	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 6	911		16.156.625.893
		Cộng phát sinh		16.156.625.893	16.156.625.893
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kể từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.3.2.2 Kế toán chi phí bán hàng

Đề hạch toán chi phí bán hàng Công ty sử dụng tài khoản 641 - Chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng tại công ty bao gồm các loại chi phí sau:

- + Lương nhân viên(nhân viên văn phòng, lái xe, bảo vệ, tạp vụ...)
- + Chi phí xăng xe ô tô phục vụ bán hàng
- + Chi phí trích khấu hao TSCĐ kho chứa hàng, cửa hàng, xe ô tô phục vụ bán hàng.
- + Các chi phí phát sinh tại kho bán hàng, chi phí văn phòng phục vụ công tác bán hàng.

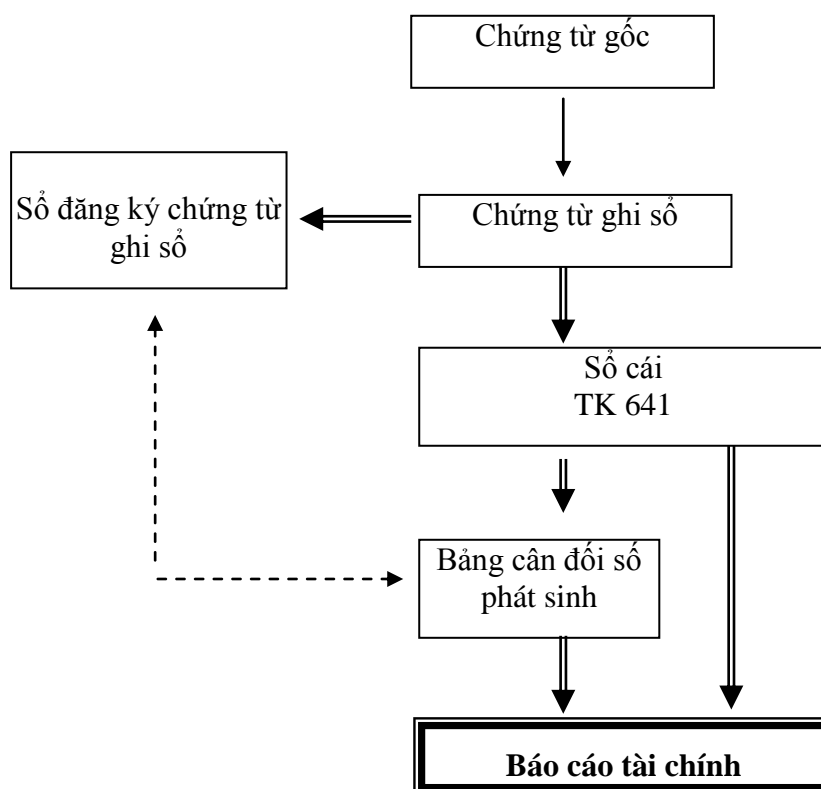
+ Chi phí bằng tiền khác

*** Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT...

- Bảng thanh toán lương
- Bảng trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản 641, 111, 112...
- Các sổ sách liên quan khác.

*** Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty cổ phần Kim Chính.

* **Ví dụ:** Ngày 16/06/2011, Mua xăng dầu cho xe ô tô chở hàng hoá đi bán của chi nhánh xăng dầu Hải Dương theo hoá đơn GTGT số 0035692 với số tiền là 14.250.000 đồng (Chưa thuế GTGT 10%).

Từ hóa đơn GTGT số 0035692 (Mẫu biểu số 3.1), kế toán viết phiếu chi số 856(Mẫu biểu số 3.2).

Cuối tháng căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi để lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 3.3) và kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911(Mẫu biểu số 3.4).

Từ chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 3.3 và 3.4) kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 3.5) và sổ cái TK 641 (Mẫu biểu số 3.6). Số liệu để ghi sổ cái TK 641 được lấy từ hai chứng từ ghi sổ trên. Số liệu tổng hợp trong sổ cái TK 641 được dùng để lập báo cáo kết quả kinh doanh.

Mẫu biểu số 3.1

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao cho khách hàng
 Ngày 16 tháng 06 năm 2010

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL
 AX/2010B
 0035692

Đơn vị bán hàng: Chi nhánh xăng dầu Hải Dương

Địa chỉ: TP Hải Dương

Số tài khoản:

Điện thoại:

MS: 0805263983

Họ tên người mua hàng: Bùi Văn Hải

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Kim Chính

Địa chỉ: Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS: 0800280892

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dầu Diesel	Lít	1500	9500	14.250.000
Cộng tiền hàng:					14.250.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.425.000
Lệ phí xăng dầu: 300đ/lít					450.000
Tổng cộng thanh toán					16.125.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu) Giám đốc	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu biểu số 3.2

Đơn vị: Công ty CP Kim Chính

Mã số 02-TT

Địa chỉ: Khu 10 phường Bình hàn TP Hải Dương

(QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Quyền số:06

PHIẾU CHI

Số:856

Ngày 16 tháng 06 năm 2010

Nợ TK 641:14.700.000

Nợ TK 133: 1.425.000

Có TK 111: 16.125.000

Họ và tên người nhận tiền: Chi nhánh xăng dầu Hải Dương

Địa chỉ: TP Hải Dương

Lý do chi: Trả tiền mua dầu diesel theo HĐ 0035692

Số tiền: 16.125.000

Viết bằng chữ: Mười sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 HĐ GTGT

Ngày 16 tháng 06 năm 2010

Giám đốc	Phụ trách kế toán	Người lập biểu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Mẫu biểu số 3.3

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 15.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Tập hợp chi phí bán hàng tháng 6			
...			
+ Mua dầu của chi nhánh xăng dầu Hải Dương	641	111	14.700.000
...			
Cộng			205.562.600

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.4:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 20.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 6	911	641	205.562.600
Cộng			205.562.600

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.5

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02b- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng	
....	...	
15.06	30/06	205.562.600
20.06	30/06	205.562.600

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.6:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02c1-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
		Tháng 6/2010			
15.06	30/06	Tổng hợp chi phí bán hàng tháng 6			
		
		+ Mua dầu của chi nhánh xăng dầu Hải Dương	111	14.700.000	
20.06	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 6	911		205.562.600
		Cộng phát sinh		205.562.600	205.562.600
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.3.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm nhiều loại như: Chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý hành chính và chi phí chung khác

Về các chi phí dịch vụ mua ngoài ở công ty CP Kim Chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: tiền điện thoại, tiền điện, tiền nước, chi phí đặt báo, chi phí tiếp khách...

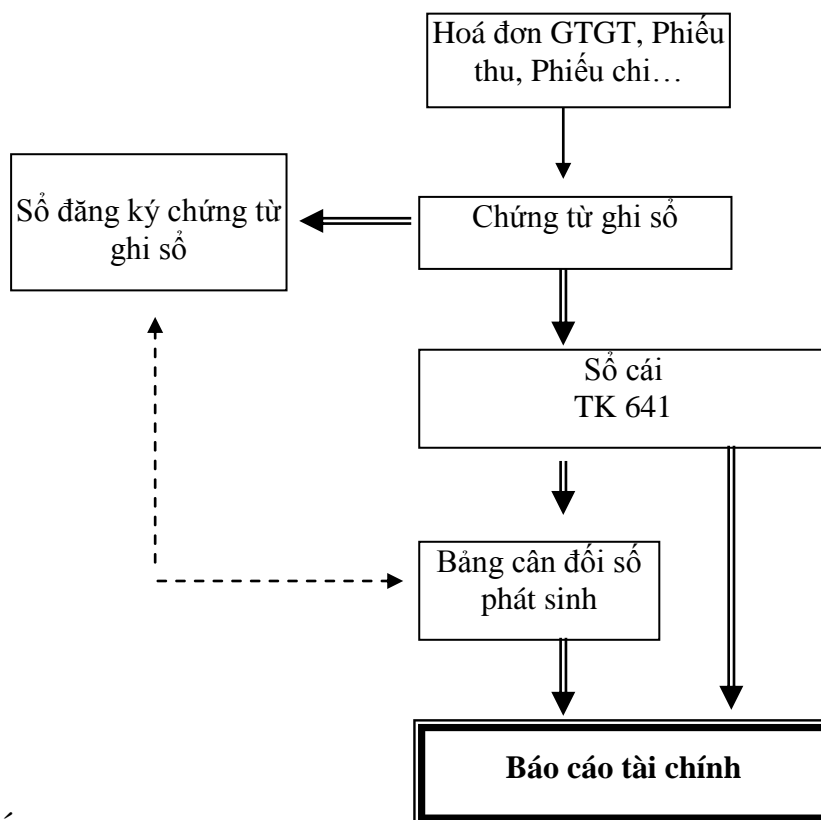
*** Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Chứng từ ghi số
- Sổ cái TK 642,112...
- Sổ sách liên quan khác

*** Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ====→ Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần Kim Chính.

* **Ví dụ:** Ngày 30/06/2010 Công ty CP Kim Chính thanh toán tiền điện cho công ty điện lực Hải Dương với số tiền là 1.590.600 (đã bao gồm VAT 10%)

Căn cứ vào hóa đơn tiền điện (Mẫu biểu số 4.1) kế toán tiến hành viết phiếu chi (Mẫu biểu số 4.2)

Cuối tháng căn cứ vào hóa đơn tiền điện, phiếu chi để lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 4.3). Sau đó kế toán kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 để lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 4.4).

Từ chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 4.3 và 4.4) kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 4.5) và sổ cái TK 642 (Mẫu biểu số 4.6). Số liệu để ghi sổ cái TK 642 được lấy từ hai chứng từ ghi sổ trên. Số liệu tổng hợp trong sổ cái TK 642 được dùng để lập báo cáo kết quả kinh doanh.

Mẫu biểu số 4.1:

EVN Công ty điện lực Hải Dương

ID:8403941

Địa chỉ: TP Hải Dương

Kí hiệu: AB/2010B

HOÁ ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Số: 0905431

Liên 2: Giao khách hàng

Số hộ: 01

Từ ngày 01/06/2010 đến ngày 30/06/2010

Số công tơ: 153672

Mã khách hàng: MK03CPCPJ3625

MSTKH: 0800280892

Tên khách hàng: Công ty cổ phần Kim Chính

Địa chỉ KH: Khu 10 phường Bình hàn TP Hải Dương

Số sổ GCS: CP716-064

Phiên GCS:

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện năng tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền	
5709	4858	1	851	1700	1.446.000	
		Trong đó	851	1700		
Ngày 30/06/2010		Cộng	851		1.446.000	
		Thuế GTGT 10%				144.600
		Tổng cộng tiền thanh toán				1.590.600

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng chẵn.

Mẫu biểu số 4.2:

Đơn vị: Công ty CP Kim Chính

Mã số 02-TT

Địa chỉ: Khu 10 phường Bình hàn TP Hải Dương

(QĐ số:15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)
Quyển số:06

PHIẾU CHI

Số:862

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Nợ TK 642: 1.446.000

Nợ TK 133: 144.600

Có TK 111: 1.590.600

Họ và tên người nhận tiền: Công ty điện lực Hải Dương

Địa chỉ: TP Hải Dương

Lý do chi: Trả tiền điện tháng 6

Số tiền: 1.590.600 đồng

Viết bằng chữ: *Một triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng chẵn*

Kèm theo: ... chứng từ

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Một triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng chẵn*
chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Mẫu biểu số 4.3:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 16.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Tập hợp chi phí quản lý tháng 6			
...			
+ Trả tiền điện tháng 6	642	111	1.446.000
...			
Cộng			105.560.239

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.4:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 20.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí quản lý tháng 6	911	642	105.560.239
Cộng			105.560.239

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.5

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02b- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng	
....	...	
16.06	30/06	105.560.239
20.06	30/06	105.560.239

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.6:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02c1-DN
 Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
		Tháng 6/2010			
16.06	30/06	Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 6			
		
		+ Trả tiền điện tháng 6	111	1.446.000	
20.06	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 6	911		106.560.239
		Cộng phát sinh		106.560.239	106.560.239
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám Đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

2.3.3. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

2.3.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Kim Chính bao gồm các khoản sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở tiền gửi, thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

- Cổ tức được chia được ghi nhận trên cơ sở tỷ lệ góp vốn và lợi nhuận được chia.

- * Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, công ty sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

TK 5151: Doanh thu hoạt động tài chính/Lãi tiền gửi

TK 5152: Doanh thu hoạt động tài chính/Cổ tức, lợi nhuận được chia

- * **Chứng từ sổ sách sử dụng:**

- Giấy báo Có của ngân hàng
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 515
- Các chứng từ sổ sách liên quan khác

2.3.3.2. Chi phí hoạt động tài chính (635)

Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến đầu tư tài chính, trả tiền thuê tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái

Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính. Chi phí tài chính của Công ty cổ phần Kim Chính bao gồm các khoản sau

TK 6351 - Lãi tiền vay

TK 6352 - Lỗ chênh lệch tỷ giá

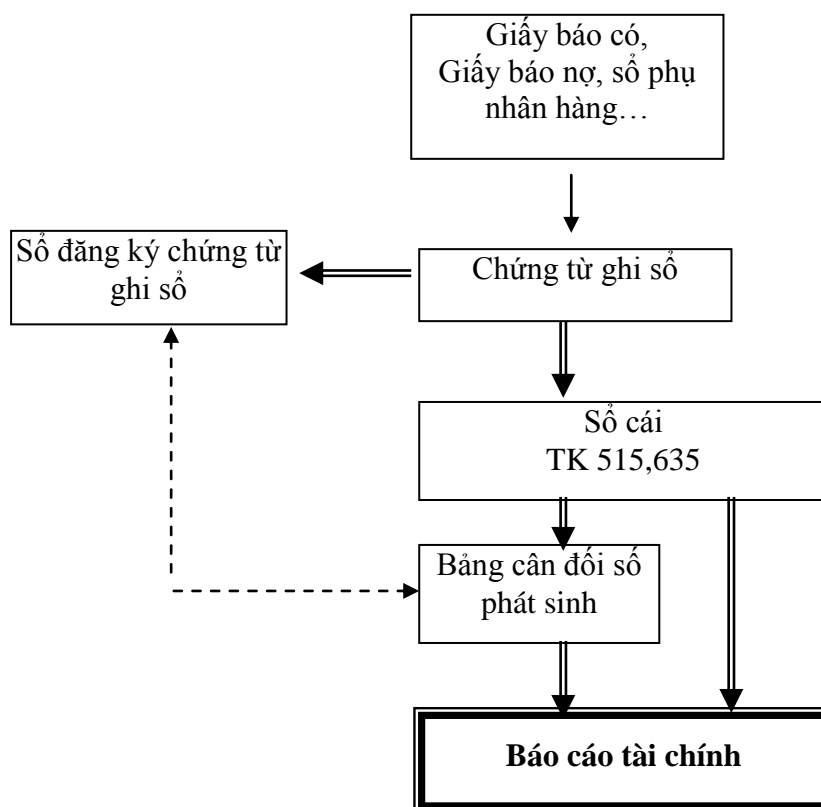
- * **Chứng từ sổ kế toán sử dụng**

- Giấy báo có ngân hàng

- Phiếu chi
- Bảng kê tính lãi của ngân hàng
- Sổ chi tiết liên quan tài khoản 112, 635
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản 635

*** Quy trình hạch toán:**

Căn cứ vào các chứng từ, sổ sách liên quan: Giấy báo Có, Giấy báo Nợ, sổ phụ ngân hàng.... Cuối tháng kê toán tập hợp vào chứng từ ghi sổ, từ đó tiến hành ghi vào sổ cái TK 515, 635. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí tài chính tại công ty CP

Kim Chính.

Ví dụ 1: Ngày 26/06/2010 công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng thương mại Á Châu về số tiền lãi gửi ngân hàng .

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào sổ phụ VND (Mẫu biểu số 5.1) và giấy báo Có của ngân hàng (Mẫu biểu số 5.2) kế toán ghi chứng từ ghi sổ phản ánh doanh thu tài chính (Mẫu biểu số 5.3) đồng thời kết chuyển doanh thu tài chính sang tài khoản 911 để ghi chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 5.4)

Từ chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 5.3 và 5.4) kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 5.5) và sổ cái TK 642 (Mẫu biểu số 5.6). Số liệu để ghi sổ cái TK 515 được lấy từ hai chứng từ ghi sổ trên. Số liệu tổng hợp trong sổ cái TK 515 được dùng để lập báo cáo kết quả kinh doanh.

Mẫu biểu số 5.1

**Ngân hàng thương mại Á Châu
ASIA COMMERCIAL BANK**

SỔ PHỤ VND

Số: 05

Ngày 26 tháng 06 năm 2010

Tài khoản: 2407939

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH

Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có
Số dư đầu ngày		...
## Lãi nhập tiền gửi ##		49.155
Tổng phát sinh ngày	0	49.155
Số dư cuối ngày		...

Sổ phụ

Kiểm soát

Mẫu biểu số 5.2

**Ngân hàng thương mại Á Châu
ASIA COMMERCIAL BANK**

Mã GDV: BATCH

Mã KH:10628

Số GD:0

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 26 tháng 06 năm 2010

Kính gửi: Công ty cổ phần Kim Chính

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 2407939

Số tiền viết bằng số: **49.155**

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi chín nghìn, một trăm lăm mươi lăm đồng chẵn.

Nội dung: ## Lãi nhập gốc ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Mẫu biểu số 5.3

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02a- DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 13.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Tập hợp doanh thu hoạt động tài chính			
...			
+Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	49.155
...			
Cộng			124.750.564

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 5.4:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 19.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 6	515	911	124.750.564
Cộng			124.750.564

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 5.5

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02b- DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng	
....	...	
13.06	30/06	124.750.564
19.06	30/06	124.750.564

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 5.6:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02c1-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
		Tháng 6/2010			
13.06	30/06	Tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính			
	
		+Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112		49.155
19.06	30/06	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	124.750.564	
		Cộng phát sinh		124.750.564	124.750.564
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 30/06/2010 Ngân hàng thương mại Á Châu gửi giấy báo trả lãi tiền, số tiền 632.652 đồng.

Cuối tháng, kê toán căn cứ vào sổ phụ giấy báo Nợ của ngân hàng (Mẫu biểu số 6.1) kê toán ghi chứng từ ghi sổ phản ánh chi phí tài chính (Mẫu biểu số 6.2) đồng thời kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911 để ghi chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 6.3)

Từ chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 6.2 và 6.3) kê toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 6.4) và sổ cái TK 635 (Mẫu biểu số 6.5). Số liệu để ghi sổ cái TK 635 được lấy từ hai chứng từ ghi sổ trên. Số liệu tổng hợp trong sổ cái TK 635 được dùng để lập báo cáo kết quả kinh doanh.

Mẫu biểu số 6.1: Sổ phụ và giấy báo nợ

Ngân hàng thương mại Á Châu

ASIA COMMERCIAL BANK

SỔ PHỤ VND

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Tài khoản: 2407939

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH

Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có
	Số dư đầu ngày	...
## Lãi tiền vay ##	632.652	
	Tổng phát sinh ngày	0
	Số dư cuối ngày	...

Sổ phụ

Kiểm soát

**Ngân hàng thương mại Á Châu
ASIA COMMERCIAL BANK**

Mã GDV: BATCH

Mã KH:10628

Số GD:0

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Kính gửi: Công ty cổ phần Kim Chính

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 2407939

Số tiền viết bằng số: 632.652

Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm lăm mươi hai đồng.

Nội dung: ## LÃI TIỀN VAY ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Mẫu biểu số 6.2:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 12.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Tập hợp chi phí hoạt động tài chính			
- Lãi tiền vay	635	112	632.652
...			...
Cộng			256.625.520

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 6.3:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 20.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính tháng 6	911	635	256.625.520
Cộng			256.625.520

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 6.4

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02b- DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng	
....	...	
12.06	30/06	256.625.520
20.06	30/06	256.625.520
...
Cộng		

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 6.5 :

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02c1-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
		Tháng 6/2010			
12.06	30/06	Tập hợp chi phí hoạt động tài chính tháng 6			
		
		- Lãi tiền vay	112	632.652	
20.06	30/06	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		256.625.520
		Cộng phát sinh		256.625.520	256.625.520
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.3.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.3.4.1 Kế toán thu nhập khác

Nội dung của thu nhập khác tại Công ty cổ phần Kim Chính bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền được hưởng do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

*** Tài khoản sử dụng:**

Đề hạch toán các khoản thu nhập khác Công ty sử dụng TK 711 – Thu nhập khác

*** Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711
- Các sổ sách liên quan khác

*** Ví Dụ:**

Ngày 12/06/2010 Công ty bán thanh lý xe ô tô tải Huyndai số hiệu 34K – 7819 cho Công ty cổ phần vận tải Quang Huy . Nguyên giá TSCĐ là 194.154.000, hao mòn lũy kế 163.089.360 đồng. Tổng giá bán đã bao gồm thuế GTGT là 55.825.000 đồng. Công ty đã thu 30% bằng tiền mặt, còn lại Công ty cổ phần vận tải Quang Huy chịu. Chi phí liên quan đến thanh lý đã chi bằng tiền mặt, số tiền 1.452.550 đồng.

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ , phiếu thu , phiếu chi kế toán định khoản như sau:

1. Ghi giảm tài sản cố định:

Nợ TK 811: 31.064.640

Nợ TK 214: 163.089.360

Có TK 211 : 194.154.000

2. Phản ánh doanh thu từ việc thanh lý TSCĐ

Nợ TK 111: 16.747.500

Nợ TK 131: 39.077.500

Có TK 711: 50.750.000

Có TK 3331: 5.750.000

3. Phản ánh chi phí liên quan tới việc thanh lý TSCĐ

Nợ TK 811: 1.320.500

Nợ TK 133: 132.050

Có TK 111: 1.452.550

Cuối tháng căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ (mẫu biểu số 7.1), phiếu thu (Mẫu biểu số 7.2), kế toán lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 7.3). Sau đó kế toán kết chuyển 711 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh và lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 7.4).

Từ chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 7.3 và 7.4) kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 7.5) và sổ cái TK 711 (Mẫu biểu số 7.6). Số liệu để ghi sổ cái TK 711 được lấy từ hai chứng từ ghi sổ trên. Số liệu tổng hợp trong sổ cái TK 711 được dùng để lập báo cáo kết quả kinh doanh.

Mẫu biểu số 7.1:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số 02 - TSCĐ

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

Ngày 12 tháng 06 năm 2010

- Căn cứ quyết định số 20 ngày 12 tháng 06 năm 2010 của Công ty cổ phần Kim Chính về việc thanh lý TSCĐ

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông (bà): Nguyễn Thị Chính. Chức vụ: Giám đốc – Trưởng ban thanh lý
- Ông (bà): Nguyễn Huy Quân. Chức vụ: Phó giám đốc - Ủy viên
- Ông (bà): Bùi Thị Thùy Linh. Chức vụ: Kế toán trưởng - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách TSCĐ: Xe ô tô tải Hyundai
- Số hiệu TSCĐ: 34K - 7819
- Nước sản xuất: Hàn Quốc
- Năm sản xuất: 2001
- Năm đưa vào sử dụng: 2003
- Nguyên giá TSCĐ: 194,154,000
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 163.089.360
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 31.064.640

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ.....

Quyết định thanh lý TSCĐ

Ngày 12 tháng 06 năm 2010

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 1.320.500
- Giá trị thu hồi: 55.825.000
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 12 tháng 06 năm 2010

Giám đốc
(ký, họ tên)

Ngày 12 tháng 06 năm 2010

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Mẫu biểu số 7.2:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số: 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU THU

Ngày 12 tháng 06 năm 2010

Số:705

Nợ TK 111: 16.747.500

Có TK 711: 15.225.000

Có TK 3331: 1.522.500

Họ và tên người nộp : Nguyễn Văn Dương

Địa chỉ: 197 Phạm Ngũ Lão - HD

Lý do nộp: Trả tiền mua xe ô tô tải Huyndai số hiệu 34K – 7819

Số tiền: 16.747.500

Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: *Mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*

Ngày 12 tháng 06 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

KT trưởng

Người lập biểu

Người nộp

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Mẫu biểu số 7.3:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 17.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Tập hợp thu nhập khác			
...
- Bán thanh lý xe ô tô tải Huyndai	111	711	15.225.000
- Bán thanh lý xe ô tô tải Huyndai	131	711	35.525.000
...
Cộng			639.562.269

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 7.4:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 19.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển thu nhập khác tháng 6	711	911	639.562.269
Cộng			639.562.269

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 7.5

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02b- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng	
....	...	
17.06	30/06	639.562.269
19.06	30/06	639.562.269
Cộng		

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 7.6 :

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02c1-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 711 – Thu nhập khác

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
.....
17.06	30/06	Tập hợp thu nhập khác T6			
			
		Bán thanh lý xe ô tô tải Hyundai	111		15.225.000
		Bán thanh lý xe ô tô tải Hyundai	131		35.525.000
19.06	30/06	Kết chuyển thu nhập khác	911	639.562.269	
		Cộng phát sinh		639.562.269	639.562.269
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.3.4.2 Kế toán chi phí khác

Chi phí khác phản ánh chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

Để hạch toán chi phí khác, công ty sử dụng tài khoản 811 – chi phí khác. Theo quyết định 15 của Bộ tài chính, chi phí khác bao gồm:

TK 811 – Chi phí khác

TK 821 – Chi phí thuế TNDN

a. Chi phí khác của công ty bao gồm:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán TSCĐ

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kế toán

- Các khoản chi phí khác

* **Chứng từ sổ sách sử dụng**

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ, vật tư hàng hoá

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ cái TK 811

- Các sổ liên quan khác

b. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính

TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Ví Dụ:

Lấy tiếp ví dụ về thanh lý xe ô tô tải Hyundai số hiệu 34K – 7819 cho Công ty cổ phần vận tải Quang Huy.

Căn cứ vào phiếu chi (Mẫu biểu số 8.1) kế toán lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 8.2). Sau đó kế toán kết chuyển 811 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh và lập chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 8.3).

Từ chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 8.2 và 8.3) kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 8.4) và sổ cái TK 811 (Mẫu biểu số 8.5)

Mẫu biểu số 8.1:

Đơn vị: Công ty CP Kim Chính

Mã số 02-TT

Địa chỉ: Khu 10 phường Bình hàn TP Hải Dương

(QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Quyển số: 06

PHIẾU CHI

Số: 1056

Ngày 12 tháng 06 năm 2010

Nợ TK 811: 1.320.500

Nợ TK 133: 132.050

Có TK 111: 1.452.550

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Chi phí thanh lý xe ô tô tải Huyndai số hiệu 34K – 7819

Số tiền: 1.452.550

Viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 12 tháng 06 năm 2010

Giám đốc	Phụ trách kế toán	Người lập biểu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm lăm mươi đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Mẫu biểu số 8.2:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 18.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Tập hợp chi phí khác			
- Thanh lý xe ô tô trở hàng Huyndai	811	211	31.064.640
- Chi phí thanh lý xe ô tô tải Huyndai	811	111	1.320.500
...			...
Cộng			220.450.263

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 8.3:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:20.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí khác tháng 6	911	811	220.450.263
Cộng			220.450.263

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 8.4

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02b- DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng	
....	...	
18.06	30/06	220.450.263
20.06	30/06	220.450.263
Cộng		

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 8.5 :

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02c1-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 811 – Chi phí khác

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
		Tháng 6/2010			
.....
17.06	30/06	Tập hợp chi phí khác tháng 6			
		
		Thanh lý xe ô tô trở hàng Hyundai	211	31.064.640	
		Chi phí thanh lý xe ô tô tải Hyundai	111	1.320.500	
19.06	30/06	Kết chuyển chi phí khác	911		220.450.263
		Cộng phát sinh		220.450.263	220.450.263
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.3.5 Xác định kết quả kinh doanh

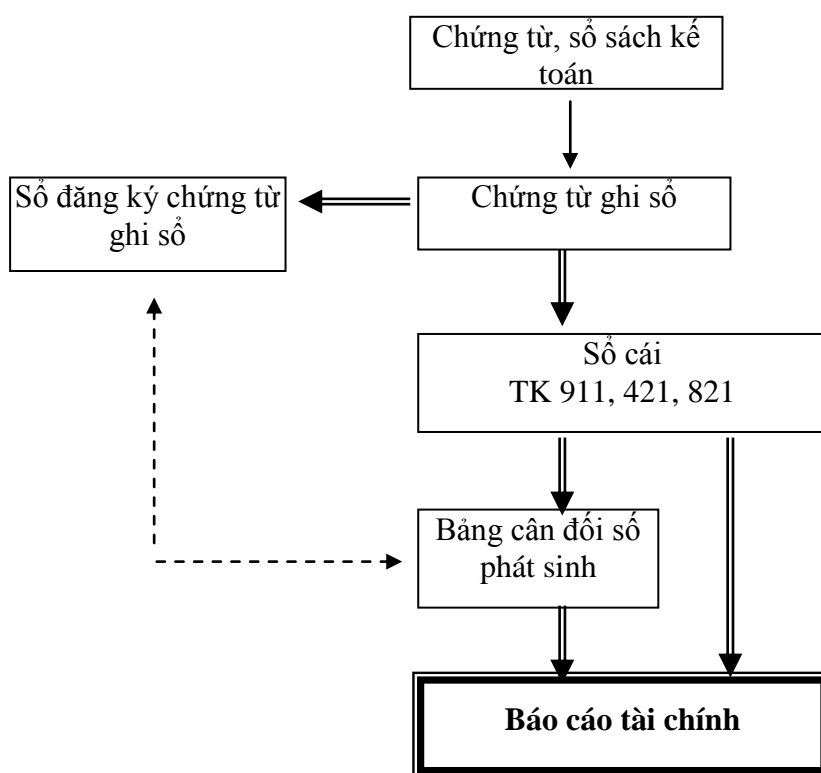
Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kê toán sử dụng tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

* Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 911, 821, 421
- Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 641...

* Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Kim Chính.

Ví dụ: Cuối tháng 06/2010, Công ty cổ phần Kim Chính thực hiện các bút toán kết chuyển cần thiết để xác định kết quả kinh doanh

- K/c doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 511: 16.220.630.500

Nợ TK 515: 124.750.564

Có TK 911: 16.345.381.064

- K/c thu nhập khác:

Nợ TK 711: 639.562.269

Có TK 911: 639.562.269

- K/c giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí hoạt động tài chính

Nợ TK 911: 16.725.374.252

Có TK 632: 16.156.625.893

Có TK 641: 205.562.600

Có TK 642: 106.560.239

Có TK 635: 256.625.520

- K/c chi phí khác:

Nợ TK 911: 220.450.263

Có TK 811: 220.450.263

- Xác định chi phí thuế TNDN(25%)

Nợ TK 8211: 9.779.705

Có TK 3334: 9.779.705

- K/c chi phí thuế TNDN hiện hành

Nợ TK 911: 9.779.705

Có TK 8211: 9.779.705

- K/c lãi:

Nợ TK 911: 29.339.115

Có TK 4212: 29.339.115

Căn cứ vào bút toán kết chuyển doanh thu, thu nhập kế toán vào chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 9.1)

Mẫu biểu số 9.1:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 19.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu, thu nhập T6			
Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	16.220.630.500
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	124.750.564
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	639.562.269
Cộng			16.984.943.333

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Căn cứ vào bút toán kết chuyển chi phí kế toán vào chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 9.2)

Mẫu biểu số 9.2

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02a- DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 20.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí tháng 6			
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	16.156.625.893
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	205.562.600
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	106.560.239
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	256.625.520
Kết chuyển chi phí khác	911	811	220.450.263
Cộng			16.945.824.515

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Căn cứ vào bút toán xác định thuế TNDN và bút toán kết chuyển thuế TNDN kế toán vào chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 9.3 - 9.4)

Mẫu biểu số 9.3:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:23.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí thuế TNDN	821	3334	9.779.705
Cộng			9.779.705

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 9.4:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:24.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
...
Kết chuyển thuế TNDN	911	821	9.779.705
Cộng			9.779.705

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Căn cứ vào bút toán kết chuyển lãi(lỗ) kế toán vào chứng từ ghi sổ (Mẫu biểu số 9.5)

Mẫu biểu số 9.5:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02a- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:21.06

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
...
Kết chuyển lãi T6	911	421	29.339.115
Cộng			29.339.115

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

=> Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ được lập ở trên kế toán tiến hành vào sổ cái các tài khoản 821,911,421. Cuối năm, kế toán tổng hợp số liệu để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Mẫu biểu số 9.6:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02c1-DN

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của

Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
.....
23.06	30/06	Chi phí thuế TNDN	3334	9.779.705	
24.06	30/06	Kết chuyển thuế TNDN	911		9.779.705
.....
		Cộng phát sinh T6		9.779.705	9.779.705
		Dư cuối kỳ			
		Công lũy kể từ đầu kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Mẫu biểu số 9.7:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số S02c1-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
.....
19.06	30/06	Kết chuyển doanh thu tháng 6			
		Kết chuyển doanh thu thuần	511		16.220.630.500
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		124.750.564
		Kết chuyển thu nhập khác tháng 6	711		639.562.269
20.06	30/06	Kết chuyển chi phí tháng 6			
		Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	16.156.625.893	

		Kết chuyển chi phí bán hàng	641	205.562.600	
		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	106.560.239	
		Kết chuyển chi phí tài chính	635	256.625.520	
		Kết chuyển chi phí khác	811	220.450.263	
21.06	30/06	Kết chuyển lãi	421	29.339.115	
24.06	30/06	Kết chuyển thuế TNDN	821	9.779.705	
		Cộng phát sinh T6		16.984.943.333	16.984.943.333
		Công lũy kế từ đầu kỳ			
		Dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Mẫu biểu số 9.8:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH
 Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Mẫu số S02c1-DN
 Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01-31/12/2010

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu năm			<u>317.943.647</u>
		Số phát sinh			
.....
21.06	30/06	Kết chuyển lãi tháng 6	911		29.339.115
.....
		Cộng phát sinh Tháng 6			29.339.115
		Dư cuối năm			382.176.681
		Công lũy kế từ đầu năm			<u>700.120.328</u>

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám Đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

Mẫu biểu số 9.9:

CÔNG TY CP KIM CHÍNH

Mẫu số B 02-DN

Khu 10 phường Bình Hàn TP Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	226.910.819.525	130.454.418.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	226.910.819.525	130.454.418.346
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	224.797.927.994	125.674.315.426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.112.891.530	4.780.102.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.497.713.460	1.743.133.114
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	4.431.978.452	4.622.744.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.431.978.452	4.160.012.191
8. Chi phí bán hàng	24		2.463.396.867	2.105.987.674
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.230.486.820	1.007.794.272
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		-4.515.257.149	1.213.290.103
11. Thu nhập khác	31		7.668.248.189	1.667.548.299
12. Chi phí khác	32		2.643.422.132	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.024.826.057	1.667.548.299
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		509.568.908	454.258.196
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	127.392.227	136.314.549
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		382.176.681	317.943.647
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Lãnh đạo duyệt
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng Kế toán – tài chính)

PHẦN 3**PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH****3.1 Những đánh giá chung về tình hình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Kim Chính*****3.1.1 Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán tại Công ty***

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty cổ phần Kim Chính. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách Nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần, kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng, như cơ quan thuế, ngân hàng... cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Là một doanh nghiệp trẻ, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Bộ máy kế toán tổ chức hoàn chỉnh, chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất góp phần đắc lực vào công tác quản lý giám sát tài chính của công ty. Với đội ngũ nhân viên có trình độ kế toán cao, nhiệt tình trong công việc, được bố trí phù hợp với trình độ khả năng của mỗi người do đó việc thông tin cung cấp cho nhà quản lý được kịp thời.

Để bắt kịp với xu thế chung, nền kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán phải thu thập, xử lý kinh tế tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Trên cơ sở

đó Công ty cổ phần Kim Chính đã áp dụng máy vi tính vào việc hạch toán kế toán, với ưu điểm của kỹ thuật tin học giúp cho công ty giảm được số lượng ghi chép số liệu của các nhân viên, đẩy nhanh quá trình tính toán, xử lý thông tin, bảo mật tin tức

3.1.2 Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đơn đốc thu hồi công nợ và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy nên lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp. Công ty cũng đã trang bị cho phòng kế toán hiện đại, công việc kế toán được vi tính hoá. Các phần hành kế toán được bố trí, sắp xếp khoa học, hợp lý tạo điều kiện cho các bộ phận phối hợp với nhau để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách nhanh chóng, cung cấp được thông tin kế toán phục vụ cho yêu cầu quản lý của công ty

- Về chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống, tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2 của các tài

khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất

- Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Chứng từ ghi sổ” và phương pháp kê khai thường xuyên các chứng từ gốc các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy

- Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học, hợp lý giúp cho việc hạch toán quá trình bán hàng được sắp xếp, phân loại, bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán. Các trường hợp đáng tiếc như mất chứng từ gốc không xảy ra vì mọi chứng từ đã được nhập vào máy vi tính để bảo quản

- Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu giá về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai tính thuế GTGT do doanh nghiệp quy định

3.1.3: Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

Tồn tại 1 : Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định. Hơn nữa, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý

dẫn đến kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc

Tồn tại 2 : Về hệ thống sổ kế toán :

Việc sử dụng mẫu sổ kế toán chưa đúng, chưa đủ so với quy định chung của Bộ tài chính (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC). Cụ thể là sổ cái tài khoản, chứng từ ghi sổ chưa đủ so với quy định chung của Bộ tài chính.

- Về sổ cái tài khoản: theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC, quy định về mẫu sổ cái tài khoản, sổ cái mà công ty sử dụng còn thiếu các mục sau:

+ Ngày tháng ghi sổ: nói rõ ngày tháng ghi sổ là ngày nào nhằm biết được tiến độ công việc tiến hành đến đâu.

+ Cột ghi chú: giải thích rõ ràng hơn về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi trong sổ cái

+ Số trang sổ, ngày mở sổ: ghi rõ số trang của sổ này là bao nhiêu, ngày mở sổ là ngày nào, giúp cho kế toán biết được số lượng trình tự ghi sổ như thế nào.

- Về chứng từ ghi sổ: theo mẫu do Bộ tài chính quy định thì mẫu chứng từ ghi sổ công ty sử dụng còn thiếu cột “ghi chú” có tác dụng diễn giải cụ thể hơn, giải thích rõ ràng hơn về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi trong chứng từ ghi sổ.

Kế toán công ty chưa lập sổ chi tiết cho tài khoản 641, 642 mà chỉ lập chứng từ ghi sổ để tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này gây khó khăn trong việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại sản phẩm.

Tồn tại 3 : Về phương thức hạch toán kế toán.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán và cách thức lãnh đạo... Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán... cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của công ty, đòi hỏi cần thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng chưa sử dụng phần mềm kế toán

mà chỉ làm kế toán excel trên máy vi tính nên mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

Tồn tại 4: Về phương pháp tính giá hàng xuất kho

Công ty đang tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ nên việc phản ánh số tiền tồn kho thành phẩm không được liên tục mà phải đến cuối tháng kế toán mới phản ánh được.

Tồn tại 5: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm:

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tồn tại 6 : Về phương thức tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm:

Trên thực tế có nhiều phương thức tiêu thụ giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu và tạo sự hài lòng cho khách hàng khi mua hàng. Ví dụ : có thể là bán hàng qua đại lý, bán qua kho, bán trực tiếp không qua kho song để quyết định phương thức nào là phù hợp nhất còn phụ thuộc vào đặc tính của sản phẩm, hàng hóa tại công ty đó. Tại công ty cổ phần Kim Chính thì phân bón là mặt hàng chủ yếu cho nên Công ty thường bán hàng theo phương thức qua kho (Vì hàng hóa thường được nhập về kho trước khi đi giao bán cho các công ty khác hoặc đại lý bán lẻ). Bên cạnh đó công ty cũng không sử dụng phương pháp bán hàng gửi đại lý điều này cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng khuyến khích sản phẩm tới khách hàng và mang lại doanh thu cho công ty, từ đó đã làm giảm đáng kể số lượng khách hàng.

3.2 Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Chính.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu,

chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời nhưng khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Chính.

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh

thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng

3.4. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Chính.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt đượ hiệu quả trong việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên những nguyên tắc sau :

Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính , chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao không vi phạm chế độ.

Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữ thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.5. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả tại Công ty cổ phần Kim Chính

Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

Kiến nghị 1 : Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty từ kho hay chinhánh sang phòng tài vụ để xử lý chứng từ chậm chễ gây rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành thành phẩm, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, Công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn, có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho...phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó vào máy một cách cập nhật nhất

Kiến nghị 2 : Về trình tự ghi sổ kế toán

Công ty nên sửa lại mẫu sổ cái tài khoản và chứng từ ghi sổ theo quyết định số 15/2006/QĐ_BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Dưới đây là mẫu sổ của Bộ tài chính:

Đơn vị:...	Mẫu số S02c1-DN
Địa chỉ:...	Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm:...

Tên tài khoản:...

Số hiệu:...

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu năm				
			Số phát sinh trong tháng				
			Cộng phát sinh trong tháng				
			Số dư cuối tháng				
			Công lũy kế từ đầu quý				

Sổ này có: ...trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Đơn vị: ... Địa chỉ: ...	Mẫu số S02a- DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)</i>
-----------------------------	--

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: ...

Ngày ...tháng ...năm...

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Cộng	x	x		x

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Công ty nên mở thêm sổ chi tiết cho tài khoản 641, 642 theo từng tài khoản cấp 2 để tiện theo dõi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ một cách chi tiết, rõ ràng hơn giúp cho việc kiểm tra đối chiếu dễ dàng. Kế toán nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định của Bộ tài chính. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh được lập như sau:

Đơn vị: Công ty cổ phần Kim Chính

Mẫu số S36 - DN

Địa chỉ: Khu 10, phường Bình Hàn, TP Hải Dương (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản 621, 622, 627, 641, 642, 142, 242, ...)

Tài khoản...

Tên phân xưởng:...

Tên sản phẩm dịch vụ:...

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản					
SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra				
				
		Số dư đầu kỳ							
		Số PS trong kỳ							
		Cộng số PS trong kỳ							
		Ghi Có TK...							
		Số dư cuối kỳ							

Ngày... tháng... năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ví dụ minh họa: Lập sổ chi tiết cho tài khoản 641 tháng 06/2010

Mở theo các khoản mục:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên bán hàng
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định

- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

Đơn vị:

Mẫu số S36 - DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí bán hàng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Ghi Nợ tài khoản			
SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra		
					6411	6417	6418
		Số dư đầu kỳ					
		Số PS trong tháng 06					
						
30/06		Luong NV bán hàng	334	8.356.000	8.356.000		
30/06		Cước ĐT cho NVBH	111	413.080		413.080	
30/06		Tiền mua xăng dầu	111	14.700.000		14.700.000	
						
		Cộng số PS tháng 06		205.562.600			
		Ghi Có TK...		205.562.600			
		Số dư cuối kỳ					

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Kiến nghị 3 : Về hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán :

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khối lượng công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ dành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy móc có cài các chương

trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hóa của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT_BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như :

Phần mềm kế toán Fast của công ty CP phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.

Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA

Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft.....

Phần mềm kế toán SÁ-INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau : Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết(sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

Việc sử dụng phần mềm kế toán là cần thiết bởi vì:

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời về tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

- Làm cho kế toán không phải mất nhiều thời gian cho việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chẵn để dành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

Kiến nghị 4: Về phương pháp tính giá hàng xuất kho

Hiện nay, Công ty đang tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ, khi áp dụng phương pháp này thì việc xác định số tiền tồn kho thành phẩm phải đến cuối tháng mới thực hiện được. Vì vậy công ty nên áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước. Theo phương pháp này kế toán có thể phản ánh kịp thời chính xác tình hình luân chuyển thành phẩm của doanh nghiệp.

Kiến nghị 5: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán

* Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này

những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:
 - Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)
 - Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp
 - Có TK 111,112 - Thanh toán ngay
 - Có TK 131 - Phải thu của khách hàng
- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

* Phương pháp kê toán TK 532 “Giảm giá hàng bán”

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 532 - Số tiền giảm giá cho hàng bán

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp theo số tiền giảm giá

Có TK 111,112,131 - Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu:

Nợ TK 511 - Giảm giá hàng bán

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không thể giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ

Kiến nghị 6 : Về phương pháp tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Tại công ty các sản phẩm phân bón đều được nhập kho trước khi bán tức là trước khi đem bán phải thông qua kho. Hơn nữa sản phẩm phân bón là sản phẩm có thời gian sử dụng tương đối lâu, không khát khe trong bảo quản, chỉ cần đặt trong điều kiện bình thường là có thể bảo quản trong thời gian tương đối dài. Chính vì đặc tính đó mà việc bán hàng qua kho một mặt giúp theo dõi, kiểm tra sản phẩm thuận tiện và tránh sự thiếu hụt khi kiểm kê nhưng đồng thời cũng gây cản trở phần nào đến tốc độ tiêu thụ, làm bỏ lỡ nhiều cơ hội đưa sản phẩm tới khách hàng. Bởi vậy công ty nên bổ sung phương thức tiêu thụ xuất bán thẳng không qua kho. Bên cạnh phương thức này công ty nên mở rộng thị trường trên toàn quốc để tạo ra hệ thống tiêu thụ rộng lớn, tạo điều kiện giới thiệu và bán sản phẩm tới khách hàng một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Kim Chính em đã vận dụng những kiến thức được học tập ở trường để nghiên cứu về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh làm cơ sở cho đề tài khoá luận của mình. Qua đó em đã mạnh dạn đề xuất một số ý kiến với mục đích nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết của em còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung bài khoá luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo cũng như sự cảm thông từ phía các thầy cô và các bạn để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến CN.TTTrv cấp II Dương Văn Biên đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khoá luận này và giúp em có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Đào Thị Thảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Kế toán tài chính (tái bản lần thứ tư đã chỉnh sửa bổ sung theo thông tư số 23/2005/TT-BTC ban hành ngày 30/03/2005)
3. Kế toán doanh nghiệp (theo luật kế toán mới-nhà xuất bản thống kê Hà Nội)
4. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại công ty cổ phần Kim Chính.
5. Các khóa luận năm trước.
6. Trang web: + [http://:tailieu.vn](http://tailieu.vn)
+ [http://:webketoan](http://webketoan)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1 Một vài nét về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1 Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp	3
1.1.1.1 Khái niệm	3
1.1.1.2 Các loại doanh thu, phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu.....	3
1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp	6
1.1.2 Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá.....	8
1.1.2.1 Khái niệm	8
1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	11
1.1.4 Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh.....	12
1.2 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	13
1.2.1 Vai trò của kế toán bán hàng.....	13
1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng	14
1.3 Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	15
1.3.1 Các phương thức bán hàng.....	15
1.3.2 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.....	16
1.3.2.1 Kế toán doanh thu	16
1.3.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	24
1.3.3 Kế toán chi phí	26
1.3.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	26
1.3.3.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	30
1.3.3.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	34
1.3.3.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	38
1.3.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	42

1.4 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp	47
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	48
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	49
1.4.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	49
1.4.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	50
1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	51
PHẦN 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ	
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KIM	
CHÍNH.....	53
2.1 Đặc điểm tình hình chung của công ty cổ phần kim chính	53
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Kim Chính	53
2.1.2.Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	55
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty	56
2.1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian qua.	59
2.2 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty	62
2.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty	62
2.2.2 Hình thức sổ kế toán trong Công ty	64
2.2.3 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty CP Kim Chính	66
2.2.4 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty CP Kim Chính.....	66
2.2.5 -Hệ thống tài khoản kế toán	66
2.3 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Chính.	67
2.3.1 Kế toán doanh thu tại Công ty cổ phần Kim Chính.....	67
2.3.2 Kế toán chi phí tại công ty cổ phần Kim Chính.....	80
2.3.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	80
2.3.2.2 Kế toán chi phí bán hàng.....	92
2.3.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	100
2.3.3. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	108
2.3.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính	108

2.3.3.2. Chi phí hoạt động tài chính (635)	108
2.3.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	122
2.3.4.1 Kế toán thu nhập khác.....	122
2.3.4.2 Kế toán chi phí khác.....	130
2.3.5 Xác định kết quả kinh doanh.....	136
PHẦN 3:PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH.....	148
3.1 Những đánh giá chung về tình hình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Kim Chính	148
3.1.1 Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán tại Công ty	148
3.1.2 Ưu điểm.....	149
3.1.3: Nhược điểm.....	150
3.2 Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Chính.....	152
3.3 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Chính.....	153
3.4. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Chính.....	154
3.5. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả tại Công ty cổ phần Kim Chính.....	155
KẾT LUẬN	164
TÀI LIỆU THAM KHẢO	165